BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
HOÀNG QUỐC HUY – MAI ĐỨC KIÊN – DOÃN VĂN NGHĨA

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Tái bản lần thứ hai, có chỉnh lí, bổ sung)

12

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hướng dẫn sử dụng sách

MỞ ĐẦU

Thực hiện hoạt động mở đầu sẽ giúp em hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.

KHÁM PHÁ

Thực hiện hoạt động khám phá sẽ giúp em hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.

LUYỆN TẬP

Thực hiện hoạt động luyện tập sẽ giúp em củng cố, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học.

VẬN DỤNG

Thực hiện hoạt động vận dụng sẽ giúp em giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến kiến thức đã học.

Câu hỏi hoặc yêu cầu, giúp em kiểm tra để củng cố kiến thức vừa được khám phá.

Em có biết?

Thông tin mục này giúp em mở rộng hiểu biết về nội dung bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Mục lục

Bài	Tên bài	Trang
	Lời nói đầu	4
1	Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau năm 1975	5
2	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam	13
3	Công tác tuyển sinh, đào tạo trong các trường Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam	22
4	Một số hiểu biết về chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	31
5	Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữ nước của địa phương	38
6	Kĩ thuật bắn súng tiểu liên AK	47
7	Tìm và giữ phương hướng	61
8	Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu	68
9	Chạy vũ trang	72
	Bảng giải thích một số thuật ngữ	79

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Giáo dục quốc phòng và an ninh 12* được biên soạn nhằm cụ thể hoá chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; là tài liệu chính thức, được sử dụng để giảng dạy môn học trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Sách gồm 9 bài học ở các chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh. Nội dung sách bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình; bảo đảm tính kế thừa và hiện đại; thống nhất trên phạm vi toàn quốc, phù hợp với vùng miền và nhận thức của học sinh lớp 12; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học, hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực chung và đặc thù.

Mỗi bài học được thiết kế theo các hoạt động logic, khoa học, phù hợp với quy luật nhận thức, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nội dung các bài học được thể hiện hài hoà bằng kênh chữ và kênh hình. Ngôn ngữ được chọn lọc phù hợp với nhận thức của học sinh; hình ảnh thân thiện, trực quan, có tính giáo dục và thẩm mĩ cao, phù hợp với tâm lí của học sinh. Sách không chỉ giúp học sinh khám phá kiến thức mà còn bồi dưỡng khả năng tư duy, năng lực tự học suốt đời.

Chúc các em thành công!

CÁC TÁC GIẢ

Bài

1 BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SAU NĂM 1975

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được giá trị lịch sử và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng (sau đây gọi là chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc); chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới;
* Tích cực, chủ động rèn luyện và thực hiện ý thức trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MỞ ĐẦU

Em hãy cho biết: Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), Nhân dân ta đã tiến hành những cuộc chiến tranh, chiến đấu và đấu tranh nào để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc?

KHÁM PHÁ

I. CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM CỦA TỔ QUỐC VÀ CÙNG QUÂN DÂN CAMPUCHIA CHIẾN THẮNG CHẾ ĐỘ DIỆT CHỦNG

1. Bối cảnh và những nét chính về cuộc chiến tranh

Việt Nam và Campuchia là hai nước láng giềng gần gũi, có mối quan hệ truyền thống, gắn bó từ lâu đời. Mối quan hệ ấy đã được hai quốc gia vun đắp bằng công sức, xương máu và trở thành tài sản chung vô giá, thiêng liêng, bền vững của hai dân tộc. Chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã biểu hiện sinh động cho tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai nước Việt Nam – Campuchia nói riêng, của ba nước Đông Dương nói chung.

Tuy nhiên, ngay sau khi lên cầm quyền vào tháng 4/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã phản bội lại Nhân dân Campuchia và âm mưu phá hoại mối quan hệ hai nước Việt Nam – Campuchia. Ở trong nước, chúng thực hiện cải tạo xã hội theo mô hình cực đoan, thanh trừng nội bộ, thi hành chế độ diệt chủng, giết hại dã man hàng triệu người dân vô tội. Đối với Việt Nam, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo, gây nhiều tội ác, xâm phạm nghiêm trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Trước các hành động của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary, Đảng và Nhà nước ta dùng mọi biện pháp ngoại giao hoà bình để tránh xảy ra chiến tranh nhưng chúng không những cự tuyệt, khước từ mọi thiện chí mà còn đẩy mạnh hoạt động chống phá, ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Ngày 30/4/1977, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary sử dụng lực lượng quân sự xâm phạm một số vùng lãnh thổ nước ta từ tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) đến tỉnh Tây Ninh; cướp bóc tài sản, đốt nhà, phá hoại hoa màu, tàn sát dã man đồng bào ta.

Đồng thời, chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc lịch sử, hình ảnh Việt Nam; kích động tư tưởng gây hận thù giữa hai dân tộc.

Để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, tính mạng và tài sản của Nhân dân, Đảng, Nhà nước đã chỉ đạo quân và dân ta tích cực chuẩn bị chiến tranh, kiên quyết đập tan mọi hành động xâm lược của địch. Ngày 15/6/1978, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương quyết định phát động chiến tranh nhân dân, kiên quyết phản công và tiến công địch một cách chủ động, liên tục bằng mọi lực lượng. Ngày 2/12/1978, Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời.

Ngày 23/12/1978, trước sự tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary, quân và dân ta đã tổ chức tổng phản công trên toàn tuyến biên giới, giáng trả kẻ thù những đòn thích đáng, đẩy chúng ra khỏi lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời, thực hiện lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng cách mạng Campuchia đã tiến công, xoá bỏ chế độ diệt chủng Pol Pot. Ngày 7/1/1979, Thủ đô Phnom Penh được hoàn toàn giải phóng.

Sau khi được giải phóng, thực hiện cam kết của hai nước, Quân đội và Nhân dân Việt Nam tiếp tục sát cánh cùng các lực lượng yêu nước và Nhân dân Campuchia chiến đấu ngăn chặn sự quay trở lại của chế độ diệt chủng, mang lại sự hồi sinh cho đất nước Campuchia.



Hình 1.1. Tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary tiến sâu vào lãnh thổ nước ta, tàn phá các bản làng, trường học ở tỉnh An Giang, ngày 30/4/1977



Hình 1.2. Tượng đài Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tại tỉnh Svay Rieng, Campuchia

Em có biết?

Sau khi lên nắm chính quyền vào tháng 4/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã gây xung đột biên giới, đánh chiếm một số đảo và gây nhiều tội ác với Nhân dân ta. Điển hình, ngày 3/5/1975, tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đánh chiếm đảo Phú Quốc; ngày 10/5/1975, chúng tiếp tục đánh chiếm đảo Thổ Chu, bắt và giết hơn 500 đồng bào ta. Đêm 30/4/1977, chúng bất ngờ mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang, giết hại dã man 578 đồng bào ta, cướp phá nhiều hoa màu, tài sản.

(Theo *Lịch sử Quân sự Việt Nam, Tập 13, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*)

Em hãy nêu những tội ác mà tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary đã gây ra cho Nhân dân ta và Nhân dân Campuchia.

2. Giá trị lịch sử

Đảng ta đã đề ra chủ trương, đường lối, mục tiêu chính trị đúng đắn, sáng tạo – đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định để quân và dân ta thực hiện thắng lợi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc là hành động tự vệ chính đáng và chính nghĩa của Nhân dân Việt Nam chống lại cuộc chiến tranh xâm lược do tập đoàn Pol Pot – Ieng Sary gây ra; góp phần bảo vệ hoà bình trong khu vực và trên thế giới.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc tiếp tục khẳng định ý chí tự lực, tự cường và tinh thần đoàn kết của Nhân dân Việt Nam. Đây là cội nguồn sức mạnh để quân và dân ta đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chiến thắng trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc đã đập tan chế độ phân biệt chủng tộc, độc tài, phản động, hiếu chiến; giúp Nhân dân Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng. Đồng thời, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của Nhân dân Việt Nam; mở ra thời kì mới trong quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Nhân dân hai nước.

Tại sao nói cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô tư, trong sáng, thuỷ chung của Nhân dân Việt Nam với Nhân dân Campuchia?

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương từng bước đánh giá đúng bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; nhận thức đúng về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chủ động xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ở biên giới Tây Nam; không để đất nước bị động, bất ngờ, kịp thời xử lí thắng lợi các tình huống.

Quân và dân ta đã vận dụng sáng tạo nghệ thuật toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngự, phản công, tiến công ở các quy mô đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn; giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ lực lượng tại chỗ và lực lượng của các binh đoàn chủ lực. Đồng thời, khẳng định nghệ thuật liên minh chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với lực lượng cách mạng Campuchia trong phối hợp tác chiến chống kẻ thù chung.

Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng đã nắm chắc thời cơ, hạ quyết tâm tổng phản công – tiến công chiến lược kịp thời, chính xác; tập trung lực lượng, tạo sức mạnh áp đảo kẻ thù; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, địch vận và ngoại giao để giành thắng lợi trong thời gian ngắn.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ta đã kết hợp chặt chẽ các lực lượng nào để chiến thắng kẻ thù?

II. CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

1. Bối cảnh và những nét chính của cuộc chiến đấu

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng gần gũi và có mối quan hệ truyền thống hữu nghị, hợp tác lâu đời. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn biết ơn sự giúp đỡ quý báu của Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, từ năm 1975 đến năm 1978, chính quyền Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự, khiêu khích vũ trang, xâm lấn đất đai vùng biên giới phía Bắc Việt Nam. Ngày 17/2/1979, chính quyền Trung Quốc huy động lực lượng lớn tiến công sang lãnh thổ Việt Nam; phối hợp bộ binh, xe tăng, xe bọc thép và pháo binh đánh chiếm một số thị xã, tàn phá cơ sở hạ tầng, bệnh viện, trường học,... gây nhiều tổn thất về người và tài sản ở một số khu vực các tỉnh dọc biên giới phía Bắc nước ta, từ Quảng Ninh đến Lai Châu.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, toàn thể Nhân dân ta, trực tiếp là quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc đã chủ động chuẩn bị thế trận, kiên cường chiến đấu ngăn chặn địch, không cho chúng tiến sâu vào nội địa. Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra lệnh Tổng động viên trong cả nước đứng lên chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Trước những đòn giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, sự lên án mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới và ngay trong chính nước họ, ngày 5/3/1979, chính quyền Trung Quốc buộc phải tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam. Về phía ta, lực lượng vũ trang và Nhân dân vùng biên giới phía Bắc đã ngừng mọi hoạt động tiến công quân sự để đối phương rút toàn bộ lực lượng về nước. Đến ngày 18/3/1979, về cơ bản Trung Quốc đã rút quân khỏi nước ta.



Hình 1.3. Nhà cửa của đồng bào bản Hạ, xã Phương Độ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên (nay là phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang) bị đạn pháo tàn phá, năm 1979



Hình 1.4. Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Đoàn H54 bộ đội địa phương tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai và một phần tỉnh Lai Châu) dũng cảm chiến đấu giữ chốt, ngăn chặn địch, ngày 17/2/1979

Tóm tắt một số nét chính về cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

2. Giá trị lịch sử

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đã thường xuyên nghiên cứu, nắm chắc tình hình đối phương; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang và Nhân dân tiến hành chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Quân và dân ta đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng, chính nghĩa và thể hiện rõ truyền thống nhân đạo, khát vọng hoà bình. Sau cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hàn gắn, xây dựng, củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam – Trung Quốc.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc biểu hiện sinh động cho ý chí, sức mạnh bền bỉ của Nhân dân Việt Nam, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc đã viết tiếp trang sử vẻ vang trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của dân tộc, đồng thời để lại nhiều kinh nghiệm quý báu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tại sao nói chiến thắng trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc là biểu hiện sinh động cho ý chí và sức mạnh bền bỉ của Nhân dân Việt Nam?

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự

Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương đã đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn, khả năng của đối phương; chủ động chuẩn bị chiến trường; xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc và làm tốt công tác bảo đảm cho chiến đấu.

Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, toàn diện, cả nước thành một mặt trận hướng ra tiền tuyến; đánh giặc bất cứ nơi nào, ngay từ đầu, trên tuyến đầu của Tổ quốc.

Quán triệt tư tưởng "lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều"; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao; sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Thực hiện phòng ngự kiên cường, phản công, tiến công linh hoạt bằng nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu; kết hợp đánh tiêu hao, tiêu diệt với ngăn chặn, bẻ gãy các đợt tiến công của địch.

Em hãy cho biết trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, quân và dân ta đã kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh nào để giành thắng lợi.

III. ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM SAU NĂM 1975

1. Khái lược về quá trình đấu tranh

Việt Nam có bờ biển dài hơn 3 260 km, vùng biển rộng lớn với hơn 3 000 đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nước ta có đầy đủ cơ sở pháp lí và bằng chứng lịch sử để chứng minh và khẳng định Việt Nam là Nhà nước đầu tiên

xác lập, thực thi chủ quyền lâu đời, liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Tuy nhiên, trên Biển Đông diễn ra tranh chấp phức tạp về chủ quyền biển, đảo. Năm 1956, chính quyền Trung Quốc chiếm đóng trái phép nhóm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa; năm 1974, họ tiếp tục sử dụng vũ lực đánh chiếm nhóm đảo phía Tây quần đảo này. Đối với quần đảo Trường Sa, có 5 nước 6 bên tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo này, bao gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan (Trung Quốc). Đặc biệt, năm 1988, chính quyền Trung Quốc đã sử dụng vũ lực chiếm đóng trái phép các bãi đá: Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Tư Nghĩa, Gạc Ma, Xu Bi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn chung sức, đồng lòng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, đồng thời giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Việt Nam nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Ta tích cực kêu gọi các nước có liên quan thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Em hãy kể tên những quốc gia, vùng lãnh thổ có tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần quần đảo Trường Sa.

2. Giá trị lịch sử

Thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia – dân tộc trên biển, trên không và trên bộ; duy trì môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy quan hệ với các nước.

Khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia Việt Nam trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, trong đó có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo còn thể hiện khát vọng hoà bình, tôn trọng luật pháp quốc tế của dân tộc Việt Nam; đồng thời, viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc ta trong thời đại Hồ Chí Minh.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo là gì?

3. Một số nét chính về nghệ thuật đấu tranh

Đảng và Nhà nước ta đã chủ động dự báo, nắm chắc tình hình để có đối sách bảo vệ chủ quyền biển, đảo phù hợp. Trong mọi hoàn cảnh, ta thực hiện kiên quyết, kiên trì mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo nhưng vận dụng linh hoạt, sáng tạo cách thức, phương pháp đấu tranh.

Kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh chính trị, kinh tế, ngoại giao, pháp lí, quân sự; kiên định giải quyết bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Huy động sức mạnh tổng hợp của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với lực lượng và thế trận an ninh nhân dân trên biển, đảo; trong đó, nòng cốt là lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo điều kiện thuận lợi cho phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển.



Hình 1.5. Ngư dân vươn khơi bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc



Hình 1.6. Cán bộ, chiến sĩ Vùng 5 Hải quân huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ đảo

Tại sao trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, ta phải huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng?

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN, HỌC SINH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Trách nhiệm của công dân

Tích cực, chủ động tìm hiểu, nhận thức đúng đắn, đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung; nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Tự giác thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Dân quân tự vệ; tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng dân cư, nơi sinh hoạt, học tập, công tác.

Nhiệt tình tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng,... Thăm viếng, thắp hương tri ân liệt sĩ, người có công với đất nước tại các nghĩa trang, đền thờ, công trình di tích lịch sử.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng; tích cực đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, cũng như các luận điệu xuyên tạc lịch sử trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực học tập các nội dung trong chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông để nâng cao nhận thức về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào hoạt động thực tiễn.

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu giá trị lịch sử, nghệ thuật quân sự cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc lịch sử, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực phản động, thù địch.

Thực hiện trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với lứa tuổi; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Dân quân tự vệ.

LUYỆN TẬP

1. Nêu giá trị lịch sử của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.
2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?
3. Công dân cần có những trách nhiệm gì đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng hiện nay?

VẬN DỤNG

1. Em hãy sưu tầm tư liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và chia sẻ với các bạn về một trong các chủ đề sau:
   - Những mất mát, đau thương của Nhân dân ta;
   - Các tấm gương chiến đấu dũng cảm, hi sinh của quân và dân ta;
   - Các công trình tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ và đồng bào ta đã ngã xuống.
2. Em hãy viết một bức thư khoảng 250 từ gửi cán bộ, chiến sĩ Hải quân đang làm nhiệm vụ canh giữ vùng biển, đảo của Tổ quốc để bày tỏ tình cảm và lòng biết ơn của mình.

Bài

2 TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam;
* Nhận biết được cấp bậc quân hàm, quân hiệu, phù hiệu, trang phục các quân, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam.

MỞ ĐẦU

Hình 2.1 thể hiện những thông tin gì của lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam?



Hình 2.1

KHÁM PHÁ

I. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam:

- Bộ Quốc phòng.
- Các cơ quan Bộ Quốc phòng: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị,...
- Các quân khu: Quân khu 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9. Quân khu có Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp xã và các đơn vị khác.
- Các đơn vị: Quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ Tư lệnh,... Ở từng đơn vị có sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội và các cấp tương đương.
- Các cơ quan nghiên cứu, học viện nhà trường, cơ quan tư pháp quân đội; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bệnh viện, đoàn kinh tế – quốc phòng và tổ chức khác thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Bộ Quốc phòng

Tham mưu với Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc; quản lí nhà nước về lĩnh vực quân sự, quốc phòng trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lí, chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

b) Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

Bộ Tổng Tham mưu: Chỉ huy, điều hành, xây dựng phát triển lực lượng và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ.

Tổng cục Chính trị: Đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

c) Quân khu, quân đoàn

Quân khu: Chỉ đạo công tác quốc phòng và xây dựng tiềm lực quân sự trong thời bình; chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc quyền trong thời chiến để bảo vệ lãnh thổ quân khu.

Quân đoàn: Đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, có nhiệm vụ bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia.

Em có biết?

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan quân sự địa phương.

Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quân sự cấp trên về công tác quân sự, quốc phòng; đồng thời quản lí, tổ chức xây dựng, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ địa bàn cấp tỉnh.

Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, quản lí, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự trên địa bàn cấp xã.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về chức năng, nhiệm vụ chính của quân khu, quân đoàn.

3. Quân hiệu, cấp bậc quân hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Quân hiệu

– Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

– Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam có dạng hình tròn, nền màu đỏ tươi, vành khăn ngoài màu vàng, ở giữa có ngôi sao năm cánh nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng, phía dưới hai bông lúa là hình nửa bánh xe răng lịch sử màu vàng (Hình 2.2a).

– Quân hiệu có ba loại kích thước: Đường kính 41 mm, đường kính 36 mm, đường kính 33 mm. Quân hiệu có đường kính 41 mm và 36 mm dập liền với cành tùng kép màu vàng (Hình 2.2b).



33 mm a



36 mm b

Hình 2.2. Quân hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam

b) Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu

– Cấp bậc quân hàm

+ Cấp bậc quân hàm của sĩ quan gồm ba cấp, mười hai bậc:

Cấp tướng có bốn bậc: Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân; Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân; Thượng tướng, Đô đốc Hải quân; Đại tướng.

Cấp tá có bốn bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá.

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

+ Cấp bậc quân hàm của binh sĩ có hai bậc: Binh nhì, Binh nhất.

– Cấp hiệu

Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc trong ngạch quân sự của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, học viên, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Cấp hiệu của Lục quân:

Đối với sĩ quan: Nền cấp hiệu màu vàng, viền cấp hiệu màu đỏ tươi. Nền cấp hiệu của sĩ quan cấp tướng có in chìm hoa văn mặt trống đồng, tâm mặt trống đồng ở vị trí gắn cúc cấp hiệu.

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ: Nền cấp hiệu màu be, viền cấp hiệu màu đỏ tươi.

Sĩ quan	Cấp tướng	 Thiếu tướng	 Trung tướng	 Thượng tướng	 Đại tướng
	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	 Đại tá
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Hạ sĩ quan		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Binh sĩ		 Binh nhì	 Binh nhất		

Hình 2.3. Cấp bậc quân hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ Lục quân

+ Cấp hiệu của Bộ đội Biên phòng: tương tự như Lục quân, chỉ khác nền cấp hiệu màu xanh lá cây (Hình 2.4a)
+ Cấp hiệu của quân chủng Phòng không – Không quân: tương tự như Lục quân, chỉ khác viền cấp hiệu màu xanh hoà bình (Hình 2.4b).
+ Cấp hiệu của quân chủng Hải quân: tương tự như Lục quân, chỉ khác viền cấp hiệu màu tím than (Hình 2.4c).
+ Cấp hiệu của Cảnh sát biển Việt Nam: nền màu xanh dương, viền màu vàng (Hình 2.4d).



a b c d

Hình 2.4

+ Cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp: tương tự như cấp hiệu của sĩ quan, chỉ khác trên nền cấp hiệu có một đường màu hồng ở chính giữa theo chiều dọc (Hình 2.5).



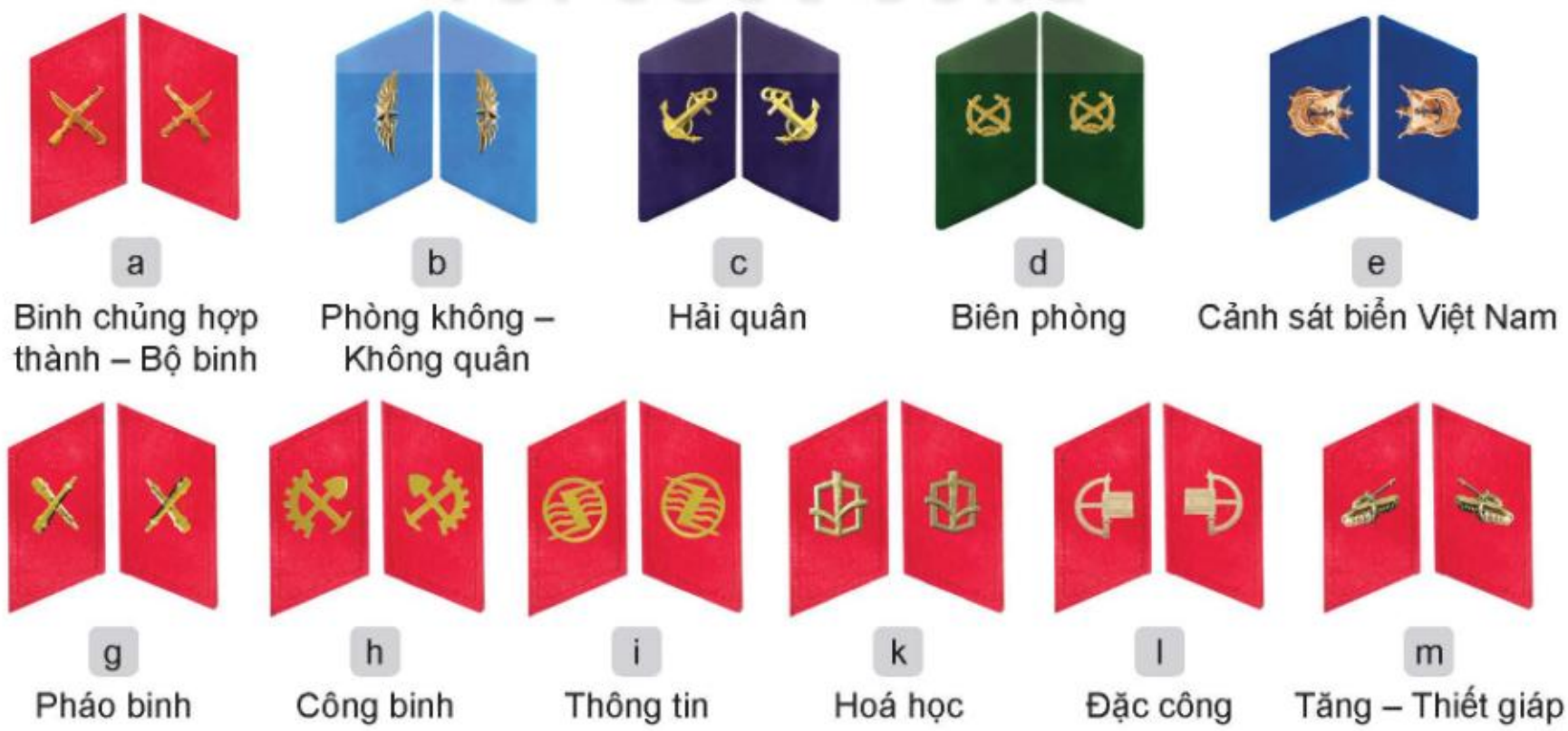
a b c d

Hình 2.5

Nêu cách nhận biết cấp bậc quân hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào cấp hiệu.

c) Phù hiệu

Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: Nền phù hiệu, hình phù hiệu, cành tùng; biểu tượng quân chủng, binh chủng; biển tên; logo.



a Binh chủng hợp thành – Bộ binh
b Phòng không – Không quân
c Hải quân
d Biên phòng
e Cảnh sát biển Việt Nam
g Pháo binh
h Công binh
i Thông tin
k Hoá học
l Đặc công
m Tăng – Thiết giáp

Hình 2.6. Phù hiệu gắn trên ve cổ áo khi mang cấp hiệu trên vai một số quân, binh chủng Quân đội nhân dân Việt Nam

- *Nêu cách nhận biết một số quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào phù hiệu ở hình 2.6.*
- *Hãy tìm hiểu về phù hiệu của các lực lượng khác trong Quân đội nhân dân Việt Nam.*

d) Trang phục

Trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện tính thống nhất và nhiệm vụ của từng quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.



a Lục quân

b Phòng không – Không quân

c Hải quân

Hình 2.7. Một số trang phục thường dùng của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Quân đội nhân dân Việt Nam

Nêu cách nhận biết các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam dựa vào trang phục ở hình 2.7.

II. CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam

Hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam bao gồm:

- Bộ Công an;
- Công an cấp tỉnh;
- Công an cấp xã;
- Công an tại đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập đồn, trạm công an và đơn vị độc lập bố trí tại những địa bàn cần thiết.

2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số tổ chức trong Công an nhân dân Việt Nam

a) Bộ Công an

Tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm; quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia,

bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; trực tiếp đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

b) Một số tổ chức trực thuộc Bộ Công an

Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí nhà nước về an ninh mạng; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng theo quy định của pháp luật.

Cục Cảnh sát hình sự: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lí các tội phạm về trật tự xã hội.

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lí các loại tội phạm về ma tuý.

Cục Cảnh sát quản lí hành chính về trật tự xã hội: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí hành chính về trật tự xã hội; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Tham mưu, hướng dẫn và thực hiện quản lí nhà nước về phòng cháy, chữa cháy; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Cục Cảnh sát giao thông: Tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thuỷ nội địa; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm trật tự, an toàn xã hội trên các tuyến giao thông theo quy định.

Bộ Tư lệnh Cảnh vệ: Tham mưu và thực hiện công tác cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam, các khu vực trọng yếu và các sự kiện đặc biệt quan trọng.

Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động: Tham mưu và thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

c) Công an cấp tỉnh và cấp xã

Công an cấp tỉnh: Tham mưu với cơ quan công an cấp trên, cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân và quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; trực tiếp đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Công an cấp xã: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cấp xã.

Em hãy nêu chức năng, nhiệm vụ chính của công an cấp tỉnh và cấp xã.

3. Công an hiệu, cấp bậc hàm, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục Công an nhân dân Việt Nam

a) Công an hiệu

- Công an hiệu của Công an nhân dân Việt Nam là biểu tượng của Công an nhân dân Việt Nam.
- Công an hiệu có dạng hình tròn, đường kính 36 mm, ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ tươi, vành khăn trong và ngoài màu vàng, giữa hai vành khăn ở hai bên có hai bông lúa màu vàng nổi trên nền xanh lục thẫm, phía dưới ngôi sao có hình nửa bánh xe, giữa nửa bánh xe có chữ lồng "CA", bánh xe và chữ "CA" màu vàng, bên ngoài Công an hiệu được dập liền với cành tùng kép màu vàng (Hình 2.8).



Hình 2.8. Công an hiệu Công an nhân dân Việt Nam

b) Cấp bậc hàm, cấp hiệu

– Cấp bậc hàm

+ Cấp bậc hàm của sĩ quan nghiệp vụ có ba cấp, mười hai bậc.

Cấp tướng có bốn bậc: Thiếu tướng, Trung tướng, Thượng tướng, Đại tướng;

Cấp tá có bốn bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá;

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc hàm của sĩ quan chuyên môn kĩ thuật có hai cấp, bảy bậc.

Cấp tá có ba bậc: Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá;

Cấp uý có bốn bậc: Thiếu uý, Trung uý, Thượng uý, Đại uý.

+ Cấp bậc hàm của hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kĩ thuật và nghĩa vụ có ba bậc: Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ;

+ Cấp bậc hàm của chiến sĩ nghĩa vụ có hai bậc: Binh nhì, Binh nhất.

– Cấp hiệu

Cấp hiệu của Công an nhân dân Việt Nam là biểu trưng thể hiện cấp bậc hàm trong công an của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam.

+ Cấp hiệu của sĩ quan

Đối với cấp tướng: nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu vàng, giữa nền cấp hiệu có dệt hoa văn nổi hình cành tùng chạy dọc theo nền cấp hiệu.

Đối với cấp tá, cấp uý: nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu xanh, giữa nền cấp hiệu có vạch rộng 6 mm chạy dọc theo nền cấp hiệu; vạch của sĩ quan nghiệp vụ màu vàng, sĩ quan chuyên môn kĩ thuật màu xanh thẫm.

+ Cấp hiệu của hạ sĩ quan, chiến sĩ

Nền cấp hiệu màu đỏ, viền màu xanh; cuối nền cấp hiệu có vạch bằng vải rộng 6 mm. Hạ sĩ quan nghiệp vụ và hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ vạch màu vàng; hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật vạch màu xanh thẫm.

Sĩ quan nghiệp vụ	Cấp tướng	 Thiếu tướng	 Trung tướng	 Thượng tướng	 Đại tướng
	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	 Đại tá
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Sĩ quan chuyên môn kĩ thuật	Cấp tá	 Thiếu tá	 Trung tá	 Thượng tá	
	Cấp uý	 Thiếu uý	 Trung uý	 Thượng uý	 Đại uý
Hạ sĩ quan nghiệp vụ		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Hạ sĩ quan nghĩa vụ		 Hạ sĩ	 Trung sĩ	 Thượng sĩ	
Chiến sĩ nghĩa vụ		 Binh nhì	 Binh nhất		

Hình 2.9. Cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam

Nêu cách nhận biết cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam dựa vào cấp hiệu.

c) Phù hiệu

Khi mặc trang phục thường dùng và mang cấp hiệu trên vai áo, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên Công an nhân dân phải đeo phù hiệu màu đỏ ở cổ áo, giữa nền phù hiệu gắn công an hiệu đường kính 18 mm (Hình 2.10a). Riêng cấp tướng, phù hiệu có viền ba cạnh màu vàng (Hình 2.10b).



a

Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên



b

Đối với cấp tướng

Hình 2.10. Phù hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và học viên Công an nhân dân khi mặc trang phục thường dùng và mang cấp hiệu trên vai áo

d) Trang phục

Trang phục của Công an nhân dân Việt Nam thể hiện tính thống nhất và đặc trưng hoạt động chuyên môn của mỗi lực lượng trong Công an nhân dân Việt Nam.



a Cảnh sát nhân dân

b An ninh nhân dân

c Cảnh sát giao thông

d Cảnh sát cơ động

e Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Hình 2.11. Một số trang phục của Công an nhân dân Việt Nam

Em hãy nêu cách nhận biết một số lực lượng chuyên môn của Công an nhân dân Việt Nam dựa vào trang phục ở hình 2.11.

LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu tên một số tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam mà em biết.
2. Em hãy cho biết quân nhân trong mỗi trường hợp dưới đây có cấp bậc quân hàm gì và thuộc quân, binh chủng nào của Quân đội nhân dân Việt Nam. Giải thích.
   a) Quân nhân mặc trang phục màu olive sẫm; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu đỏ tươi; trên cấp hiệu có một gạch ngang và bốn sao.
   b) Quân nhân mặc trang phục màu olive sẫm; mang cấp hiệu có nền màu xanh lá cây, viền màu đỏ; trên cấp hiệu có hai gạch ngang và hai sao.
   c) Quân nhân mặc trang phục có áo sơ mi ngắn tay màu trắng, quần màu tím than; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu tím than; trên cấp hiệu có một gạch ngang và ba sao.
   d) Quân nhân mặc trang phục có áo sơ mi ngắn tay màu xanh hoà bình, quần màu xanh đậm; mang cấp hiệu có nền màu vàng, viền màu xanh hoà bình, ở giữa có đường dọc màu hồng; trên cấp hiệu có một gạch ngang và một sao.
3. So sánh cấp bậc hàm, cấp hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ với sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật trong Công an nhân dân Việt Nam.

VẬN DỤNG

Em hãy kể tên và nêu chức năng, nhiệm vụ một tổ chức trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố em sinh sống (hoặc em biết).

Bài

3 CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được hệ thống nhà trường trong quân đội, công an và tuyển sinh vào các trường quân đội, công an; định hướng được nghề nghiệp quân sự, công an;
* Tìm hiểu được các lĩnh vực nghề nghiệp theo nhóm ngành; định hướng học tập, nghiên cứu để theo học các ngành, nghề trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

MỞ ĐẦU

Em hãy quan sát và cho biết hình 3.1 thể hiện hoạt động gì. Thời gian nào trong năm thường diễn ra hoạt động đó?



Hình 3.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Các trường Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam thực hiện tuyển sinh, đào tạo theo quy chế, hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo hướng dẫn hằng năm về công tác tuyển sinh quân sự của Bộ Quốc phòng và công tác tuyển sinh Công an nhân dân của Bộ Công an.

Lựa chọn những công dân tự nguyện và có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, văn hoá, sức khoẻ và độ tuổi theo quy định vào đào tạo trong các trường quân đội, công an. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tổ chức tuyển sinh công khai, minh bạch, nghiêm cấm mọi hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho người dự tuyển. Tuyển sinh đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát hiện nhân tài và quy hoạch đội ngũ cán bộ; đào tạo gắn với địa chỉ và nhu cầu sử dụng, bảo đảm cơ cấu vùng, miền, ngành nghề phù hợp với trình độ đào tạo; chú trọng diện cử tuyển các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước.

Quyền lợi của học viên trong các trường quân đội, công an: Thí sinh trúng tuyển vào các trường quân đội, công an được bảo đảm các chế độ, tiêu chuẩn về ăn, ở, mặc, phụ cấp hằng tháng, không phải đóng học phí; các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập. Thân nhân của học viên (bố mẹ đẻ, bố

mẹ nuôi hợp pháp) nếu chưa có bảo hiểm y tế sẽ được Nhà nước bảo đảm. Học viên được nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết theo quy định,... Học viên xếp loại học tập xuất sắc, giỏi, có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện sẽ được hưởng các chế độ khen thưởng theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Khi tốt nghiệp, học viên được cấp văn bằng tốt nghiệp thuộc hệ thống văn bằng quốc gia; được Bộ Quốc phòng phong quân hàm sĩ quan, Bộ Công an phong cấp bậc hàm sĩ quan và phân công công tác.

Nghĩa vụ của học viên trong các trường quân đội, công an: Học viên phải nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỉ luật của Quân đội nhân dân, kỉ luật của Công an nhân dân và các quy định của nhà trường. Học viên khi ra trường sẵn sàng nhận nhiệm vụ theo phân công của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống nhà trường quân đội

Các học viện không tuyển sinh thí sinh từ học sinh phổ thông gồm: Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân và Học viện Chính trị.

Các học viện, trường sĩ quan (đại học) có tuyển sinh thí sinh từ học sinh phổ thông gồm: Học viện Kỹ thuật Quân sự (Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn); Học viện Quân y (Trường Đại học Y – Dược Lê Hữu Trác); Học viện Hậu cần (Hình 3.2); Học viện Khoa học Quân sự; Học viện Biên phòng; Học viện Phòng không – Không quân; Học viện Hải quân; Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn); Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ); Trường Sĩ quan Chính trị (Trường Đại học Chính trị); Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin liên lạc); Trường Sĩ quan Công binh (Trường Đại học Ngô Quyền); Trường Sĩ quan Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hoá; Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp; Trường Sĩ quan Không quân; Trường Sĩ quan Đặc công; Trường Đại học Văn hoá – Nghệ thuật Quân đội, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự (Trường Đại học Trần Đại Nghĩa).



Hình 3.2. Học viện Hậu cần

Ngoài ra, trong hệ thống nhà trường quân đội còn có các trường cao đẳng, trung cấp, trường quân sự, Thiếu sinh quân như: Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng;

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quân sự 1; Trường Cao đẳng Hậu cần 1; Trường Cao đẳng Hậu cần 2; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân; Trường Cao đẳng Trinh sát; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phòng không – Không quân; Trường Cao đẳng Biên phòng; Trường Cao đẳng Kỹ thuật mật mã; Trường Trung cấp 24 Biên phòng; Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh; Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng thiết giáp; Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung; Trường Quân sự Quân khu 1; Trường Quân sự Quân khu 2; Trường Quân sự Quân khu 3; Trường Quân sự Quân khu 4; Trường Quân sự Quân khu 5; Trường Quân sự Quân khu 7; Trường Quân sự Quân khu 9; Trường Quân sự Quân đoàn 12; Trường Quân sự Quân đoàn 34; Trường Thiếu sinh quân miền Bắc; Trường Thiếu sinh quân miền Trung; Trường Thiếu sinh quân miền Nam.

Em hãy kể tên các học viện, trường sĩ quan có tổ chức tuyển sinh quân sự từ học sinh phổ thông.

2. Công tác tuyển sinh và đào tạo

a) Một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy

– Đối tượng tuyển sinh

+ Thanh niên ngoài quân đội.

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh).

– Tiêu chuẩn tuyển sinh

+ Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức: Theo quy định của Đảng, Nhà nước, Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

+ Tiêu chuẩn về văn hoá (tính đến thời điểm xét tuyển): Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiêu chuẩn về độ tuổi (tính đến năm dự tuyển): Thanh niên ngoài quân đội không quá 21 tuổi hoặc quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân không quá 23 tuổi.

+ Tiêu chuẩn về sức khoẻ: Theo quy định của Bộ Quốc phòng và các hướng dẫn có liên quan.

– Đăng kí sơ tuyển

+ Tất cả thí sinh dự tuyển vào các nhà trường quân đội đều phải qua sơ tuyển, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị, văn hoá, độ tuổi, sức khoẻ theo quy định của Bộ Quốc phòng.

+ Thí sinh là thanh niên ngoài quân đội mua hồ sơ đăng kí sơ tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã (nơi thí sinh đăng kí hộ khẩu thường trú).
+ Thời gian đăng kí sơ tuyển và thời gian khám sức khoẻ theo quy định của Bộ Quốc phòng.

– Đăng kí xét tuyển

+ Thí sinh đăng kí nguyện vọng xét tuyển qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
+ Tổ hợp môn xét tuyển: Theo quy định của Bộ Quốc phòng (hằng năm có hướng dẫn cụ thể).

– Phương thức tuyển sinh

+ Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Quốc phòng.
+ Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả kì thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.
+ Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.
+ Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả từ kì thi đánh giá năng lực do Bộ Quốc phòng tổ chức.

Hằng năm, căn cứ thực tiễn công tác tuyển sinh để Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xác định tỉ lệ xét tuyển theo từng phương thức cho phù hợp với đối tượng và chương trình đào tạo của từng trường.

Tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy

– Các trường tuyển sinh: Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp được giao đào tạo cán bộ cấp phân đội trình độ trung cấp quân sự và đào tạo nhân viên chuyên môn kĩ thuật có trình độ trung cấp theo quy định của Bộ Quốc phòng.
– Đối tượng tuyển sinh: Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh); riêng thuỷ thủ kíp tàu ngầm được tuyển chọn đến số hạ sĩ quan, binh sĩ sau huấn luyện chiến sĩ mới.
– Về tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Nam năm nay 21 tuổi, đã tốt nghiệp trung cấp nghề nhưng chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông. Theo em, Nam có đủ điều kiện để đăng kí tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng quân sự không? Tại sao?

b) Một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo

Các nhà trường quân đội tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Quốc phòng. Học viên học tập trong các nhà trường quân đội được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, điều lệnh, kĩ thuật, chiến thuật, bắn súng, thể lực,... Ngoài ra, tuỳ theo mục tiêu đào tạo của quân đội, các nhà trường sẽ đào tạo các chuyên ngành khác nhau. Cụ thể như sau:

- Học viện Kỹ thuật Quân sự đào tạo cán bộ kĩ thuật, Chỉ huy tham mưu kĩ thuật các ngành: Kĩ thuật xây dựng, Công nghệ kĩ thuật hoá học, Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kĩ thuật phần mềm,...
- Học viện Quân y đào tạo các ngành: Y khoa, Dược sĩ và Y học dự phòng.
- Học viện Hậu cần đào tạo sĩ quan chuyên ngành: Chỉ huy tham mưu hậu cần, Quân nhu, Chỉ huy Vận tải, Xăng dầu, Tài chính, Doanh trại – Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Học viện Khoa học Quân sự đào tạo sĩ quan các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quan hệ quốc tế, Trinh sát kĩ thuật,...
- Học viện Biên phòng đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Quản lí biên giới, Chỉ huy trinh sát, Phòng chống ma tuý và tội phạm, Chỉ huy cửa khẩu, Luật,...
- Học viện Phòng không – Không quân đào tạo ngành: Chỉ huy tham mưu Phòng không, Không quân và Tác chiến điện tử; Kĩ thuật hàng không.
- Học viện Hải quân đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy tham mưu Hải quân, Kĩ thuật điện, Công nghệ kĩ thuật điện tử – viễn thông, Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hoá, Khoa học hàng hải, Kĩ thuật cơ khí động lực,...
- Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2 đào tạo sĩ quan Chỉ huy tham mưu Lục quân cấp phân đội các chuyên ngành: Bộ binh, Bộ binh cơ giới, Trinh sát (Trường Sĩ quan Lục quân 1 tuyển sinh thí sinh từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra phía bắc; Trường Sĩ quan Lục quân 2 tuyển sinh thí sinh từ tỉnh Quảng Trị trở vào phía nam).
- Trường Sĩ quan Chính trị đào tạo sĩ quan chính trị ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.
- Trường Sĩ quan Thông tin đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy tham mưu Thông tin, Thông tin Lục quân, Thông tin Hải quân, Thông tin Phòng không – Không quân, Chỉ huy tham mưu Tác chiến không gian mạng.
- Trường Sĩ quan Công binh đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy Kĩ thuật công binh, Công trình, Cầu đường, Vượt sông, Xe máy.
- Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Kĩ thuật xe máy quân sự, Kĩ thuật Tăng – Thiết giáp, Kĩ thuật vũ khí, Kĩ thuật đạn dược.

– Trường Sĩ quan Pháo binh đào tạo sĩ quan chuyên ngành Chỉ huy tham mưu Pháo binh.

– Trường Sĩ quan Phòng hoá đào tạo sĩ quan Chỉ huy Kĩ thuật hoá học.

– Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Chỉ huy tham mưu Tăng thiết giáp, Chỉ huy Kĩ thuật Tăng thiết giáp.

– Trường Sĩ quan Không quân đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Phi công phản lực, Phi công vận tải, Phi công trực thăng, Sĩ quan Dù – Tìm kiếm cứu nạn đường không.

– Trường Sĩ quan Đặc công đào tạo sĩ quan các chuyên ngành: Đặc công Bộ, Đặc công Nước, Đặc công Biệt động.

– Trường Đại học Văn hoá – Nghệ thuật Quân đội đào tạo các chuyên ngành: Quản lí văn hoá, Thông tin – Thư viện, Bảo tàng học, Huấn luyện múa, Biên đạo múa, Sáng tác văn học, Quay phim, Đạo diễn điện ảnh, truyền hình,...

Học viên sau khi tốt nghiệp được Bộ Quốc phòng phân công công tác về các cơ quan, đơn vị phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

III. CÔNG TÁC TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO TRONG CÁC TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống nhà trường công an

Các học viện: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân (Hình 3.3), Học viện Chính trị Công an nhân dân, Học viện Quốc tế, Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh.

Các trường đại học: Trường Đại học An ninh nhân dân, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.

Các trường cao đẳng: Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



Hình 3.3. Học viện Cảnh sát nhân dân

2. Công tác tuyển sinh và đào tạo

a) Một số nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy

– Đối tượng tuyển sinh

+ Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng kí sơ tuyển.

+ Học sinh Trường Văn hoá (T11) và một số đối tượng khác (chiến sĩ nghĩa vụ công an tại ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển).

– Tiêu chuẩn tuyển sinh

+ Về chính trị, đạo đức: Đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an.

+ Về trình độ văn hoá: Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng kí sơ tuyển, học sinh Trường Văn hoá, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, chiến sĩ nghĩa vụ Công an đạt kết quả học tập theo quy định của Bộ Công an.

+ Về độ tuổi: Tính đến năm dự tuyển, học sinh Trường Văn hoá và công dân thường trú tại địa phương nơi đăng kí sơ tuyển không quá 22 tuổi, trường hợp là người dân tộc thiểu số không quá 25 tuổi.

+ Về sức khoẻ: Đáp ứng tiêu chuẩn về sức khoẻ theo quy định của Bộ Công an. Ngoài ra, đối với từng trường sẽ có quy định cụ thể riêng.

– Đăng kí sơ tuyển

+ Tất cả thí sinh dự tuyển vào các nhà trường công an đều phải qua sơ tuyển, bảo đảm đủ tiêu chuẩn về chính trị bản thân và gia đình, văn hoá, độ tuổi, sức khoẻ theo quy định của Bộ Công an. Thí sinh là học sinh phổ thông mua hồ sơ và đăng kí sơ tuyển tại công an cấp xã.

+ Thời gian đăng kí sơ tuyển và thời gian khám sức khoẻ theo quy định của Bộ Công an (hằng năm có hướng dẫn cụ thể).

– Đăng kí xét tuyển

+ Thí sinh đăng kí xét tuyển vào các trường công an thực hiện tương tự như đăng kí xét tuyển vào các trường quân đội.

+ Tổ hợp môn xét tuyển theo quy định của Bộ Công an (hằng năm có hướng dẫn cụ thể).

– Phương thức tuyển sinh

+ Phương thức 1: Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Bộ Công an.

+ Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an.

+ Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an.

Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Bộ Công an xác định phương thức tuyển sinh và tỉ lệ xét tuyển theo từng phương thức cho phù hợp với đối tượng, chương trình đào tạo của từng trường.

Tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy

Căn cứ vào tình hình thực tiễn hằng năm, Bộ Công an có thể tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy tại một số trường trong Công an nhân dân (các trường tuyển sinh, đối tượng, tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Công an).

Theo em, thí sinh đăng kí xét tuyển vào các nhà trường công an cần đạt những tiêu chuẩn nào? Làm rõ tiêu chuẩn về văn hoá, độ tuổi.

b) Một số nội dung cơ bản về công tác đào tạo

Các nhà trường công an tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Bộ Công an. Học viên học tập trong các nhà trường công an được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, điều lệnh, bắn súng, thể lực,... Ngoài ra, tuỳ theo mục tiêu đào tạo của Công an nhân dân, các nhà trường sẽ đào tạo các chuyên ngành khác nhau. Cụ thể như sau:

– Học viện An ninh nhân dân đào tạo các nhóm ngành Nghiệp vụ An ninh; ngành Công nghệ thông tin; An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

– Học viện Cảnh sát nhân dân đào tạo các nhóm ngành: Trinh sát cảnh sát, Quản lí hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát giao thông.

– Học viện Chính trị Công an nhân dân đào tạo ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.

– Học viện Quốc tế đào tạo các ngành ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ Trung Quốc.

– Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh đào tạo các ngành: Kĩ thuật Công an nhân dân; Trinh sát kĩ thuật; Hậu cần Công an nhân dân; Kĩ thuật điện tử – viễn thông; Y khoa.

– Trường Đại học An ninh nhân dân (tuyển sinh thí sinh phía nam tính từ thành phố Đà Nẵng trở vào) đào tạo các ngành tương tự như Học viện An ninh nhân dân.

– Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (tuyển sinh thí sinh phía nam tính từ thành phố Đà Nẵng trở vào) đào tạo các ngành tương tự như Học viện Cảnh sát nhân dân.

– Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy đào tạo ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Học viên sau khi tốt nghiệp được Bộ Công an phân công công tác tại các cơ quan, đơn vị phù hợp với ngành đào tạo.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ CƠ QUAN TUYỂN SINH TRONG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP QUÂN SỰ, CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của gia đình và nhà trường

Gia đình, nhà trường phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền về truyền thống tốt đẹp của Quân đội, Công an nhân dân Việt Nam; định hướng cho học sinh theo học các ngành nghề quân sự và công an. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh quân sự, công an làm tốt công tác tuyên truyền, hướng nghiệp cho học sinh thi tuyển vào các nhà trường quân đội và công an.

2. Trách nhiệm của cơ quan tuyển sinh

Công tác tuyển sinh quân sự, công an là khâu đầu tiên, quan trọng trong quy trình đào tạo của các nhà trường. Vì vậy, trên cơ sở kế hoạch và hướng dẫn của cấp trên về công tác tuyển sinh quân sự, công an, Ban Tuyển sinh quân sự, công an cấp xã tham mưu cho cấp uỷ, chỉ huy đơn vị, xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, hướng nghiệp, tuyển sinh vào các nhà trường quân đội, công an.

Sau khi nhận hồ sơ đăng kí sơ tuyển, Ban Tuyển sinh quân sự, công an cấp xã phân công cán bộ thẩm tra, xác minh, làm rõ những vấn đề về lí lịch chính trị, thành phần kinh tế, quan hệ xã hội,... của gia đình và bản thân người dự tuyển đảm bảo theo đúng quy định.

LUYỆN TẬP

Em hãy tìm hiểu thêm thông tin về đối tượng, tiêu chuẩn, phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy vào Học viện Kỹ thuật Quân sự và Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

VẬN DỤNG

1. Em hãy đóng vai cán bộ làm công tác tuyên truyền tuyển sinh, thuyết trình trước lớp về một trong hai chủ đề sau: Đối tượng, tiêu chuẩn và công tác tuyển sinh vào các nhà trường quân đội hoặc công an.
2. Em hãy lựa chọn một nhà trường quân đội hoặc công an phù hợp với bản thân và nêu lí do lựa chọn, điều kiện em đã đáp ứng, điều kiện còn cần rèn luyện và kế hoạch chuẩn bị trong 6 đến 9 tháng tới.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài

4 MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được một số nội dung cơ bản về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam;
* Biết cách phòng, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch tại địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là thông tin trên các trang mạng xã hội.

MỞ ĐẦU

Các bạn trong lớp đang thảo luận về lợi ích và tác hại của mạng Internet. Một số bạn cho rằng: Có thể tìm kiếm và chia sẻ mọi thông tin trên Internet một cách nhanh chóng. Một số bạn khác lại cho rằng: Không nên tham gia vào không gian mạng vì đó là nơi chứa nhiều thông tin xấu, độc do các thế lực thù địch đăng tải, chia sẻ.

Em đồng ý với ý kiến nào ở trên? Vì sao?

KHÁM PHÁ

I. KHÁI NIỆM, MỐI QUAN HỆ GIỮA CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH" VÀ BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

1. Khái niệm

a) Chiến lược "diễn biến hoà bình"

Là chiến lược cơ bản do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành, nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong, chủ yếu bằng biện pháp phi quân sự (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

b) Bạo loạn lật đổ

Là hành động chống phá bằng bạo lực, có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc câu kết với nước ngoài tiến hành nhằm gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền (ở địa phương hoặc Trung ương) (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

Em hiểu thế nào là chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Mối quan hệ giữa chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ

Chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó "diễn biến hoà bình" làm cho đối phương mâu thuẫn nội bộ, suy yếu từ bên trong tạo cơ sở, điều kiện cho bạo loạn lật đổ; là mặt trận xung kích, đi trước để chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức, lực lượng, tạo thời cơ cho bạo loạn lật đổ. Bạo loạn lật đổ là hệ quả của "diễn biến hoà bình", cơ sở xã hội để thúc đẩy "diễn biến hoà bình" diễn ra nhanh hơn, mạnh hơn, quyết liệt hơn nhằm thực hiện mục tiêu của chiến lược "diễn biến hoà bình".

Lực lượng trực tiếp thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam là các thế lực thù địch; lực lượng phản động trong và ngoài nước, lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc câu kết với nước ngoài; những phần tử cơ hội, phản động bất mãn với chính quyền bị lôi kéo, kích động, mua chuộc,...

Tại sao chiến lược "diễn biến hoà bình" tạo điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ diễn ra?

II. ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

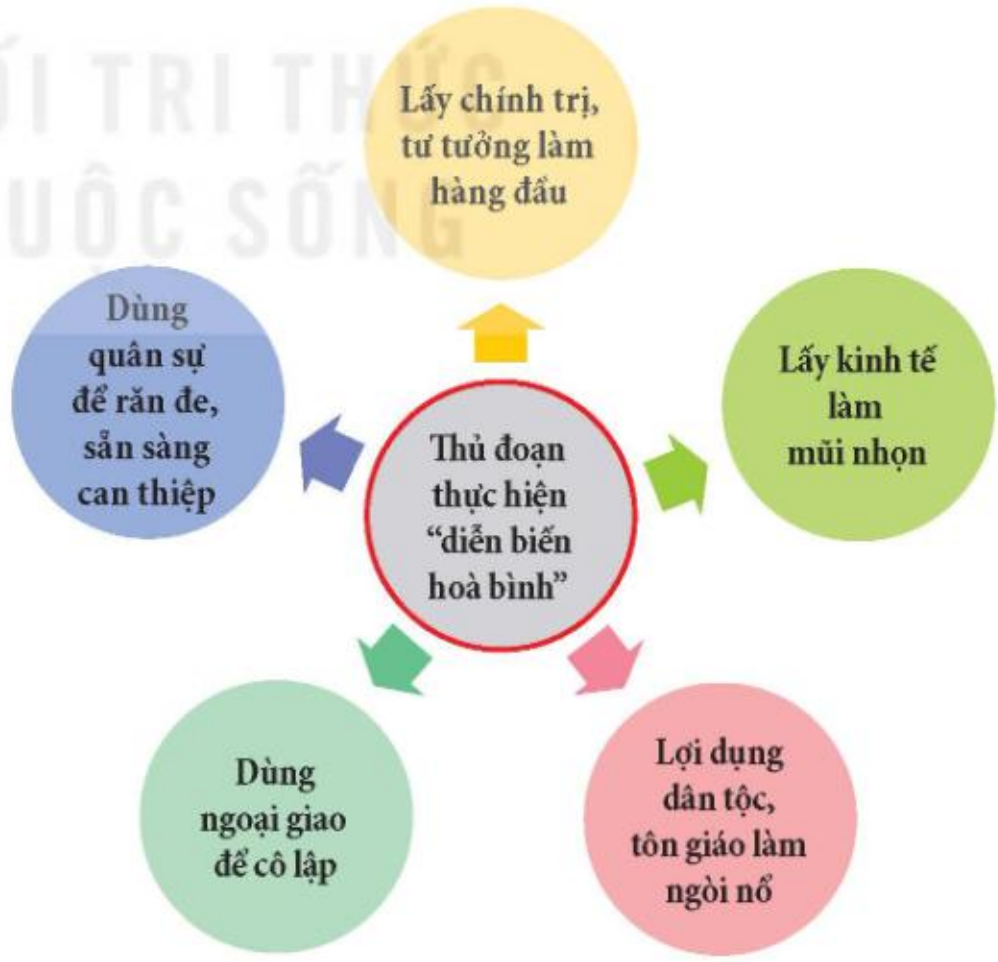
1. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình"

a) Âm mưu

Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

b) Thủ đoạn

Để thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" đối với cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch chống phá toàn diện trên tất cả các mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội như: chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hoá, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh,... Mỗi lĩnh vực được các thế lực thù địch xác định với mục đích, vai trò khác nhau (Hình 4.1) và tác động đến tất cả mọi tầng lớp, thành phần xã hội, mọi cá nhân và tổ chức.



Hình 4.1

– Trên lĩnh vực chính trị: Xuyên tạc, bịa đặt sự mất đoàn kết trong nội bộ Đảng và Chính phủ nhằm gây hoang mang, nghi ngờ, giảm sút niềm tin của Nhân dân. Đả kích, thổi phồng những sơ hở, thiếu sót trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta nhằm gây bức xúc, bất bình, bất mãn và tạo mâu thuẫn giữa Nhân dân với Đảng. Từng bước xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới thực hiện "đa nguyên chính trị", "đa đảng đối lập".
– Trên lĩnh vực tư tưởng: Xuyên tạc, phủ nhận bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Marx – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tạo ra sự phân hoá, đối lập, xung đột trong đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm, tâm lí của xã hội. Truyền bá nền văn hoá tư sản, làm phai mờ bản sắc và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam, phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng.
– Trên lĩnh vực kinh tế: Lợi dụng các hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết, tài trợ,... để từng bước làm chệch hướng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta; làm cho Nhà nước không kiểm soát, điều hành được nền kinh tế. Thúc đẩy tự do hoá, tư nhân hoá nền kinh tế nước ta nhằm xoá bỏ vai trò chủ đạo của nền kinh tế nhà nước.
– Trên lĩnh vực văn hoá: Các thế lực thù địch tìm mọi cách du nhập lối sống, đạo đức, văn hoá tư sản vào nước ta; làm xói mòn nền tảng và các giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Tạo cho thế hệ trẻ lối sống ăn chơi, thực dụng, vụ lợi, vị kỉ, đua đòi, hưởng lạc,... từ đó tạo ra một thế hệ mất gốc.
– Trên lĩnh vực dân tộc, tôn giáo: Tuyên truyền, xuyên tạc, đả kích đường lối, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Kích động gây mâu thuẫn giữa các dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuyên truyền, phát triển các tôn giáo trái pháp luật; kích động chức sắc, tín đồ và mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, vượt biên trái phép, gây mất ổn định chính trị – xã hội, tạo các điểm nóng và vu cáo Việt Nam "đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền", từ đó kêu gọi sự can thiệp từ bên ngoài.



Hình 4.2. Một buổi truyền đạo trái phép của Hội thánh Đức Chúa trời

– Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Các thế lực thù địch thực hiện nhiều thủ đoạn hết sức đa dạng, bí mật và thâm độc nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp

về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đòi phi chính trị hoá Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, làm cho lực lượng vũ trang xa rời mục tiêu, lí tưởng cách mạng, mất phương hướng, không làm tròn vai trò lực lượng nòng cốt trong đấu tranh.

Các thế lực thù địch tiến hành chiến lược "diễn biến hoà bình" đối với cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực như thế nào?

Em có biết?

Thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hoà bình" trên không gian mạng

Các thế lực thù địch sử dụng các trang web, blog, fanpage, diễn đàn, báo điện tử, mạng xã hội Facebook, Zalo, YouTube,... để tuyên truyền, lôi kéo, tập hợp dư luận xã hội. Từ đó, phát tán rộng rãi các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung xấu, độc, xuyên tạc, phản động; kêu gọi tuần hành, biểu tình, tụ tập trái phép, kích động bạo loạn, rải truyền đơn; kêu gọi chống đối cán bộ địa phương, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống phá chính quyền, chia rẽ khối đoàn kết giữa Đảng và Nhân dân. Lập những website, tài khoản giả mạo để cắt, ghép thông tin, hình ảnh nhằm xuyên tạc, tung tin bịa đặt, gieo rắc sự hoài nghi trong xã hội, nhất là trước những vấn đề nhạy cảm.



Hình 4.3

2. Âm mưu, thủ đoạn thực hiện bạo loạn lật đổ

a) Âm mưu

Gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc Trung ương, tạo điều kiện và thúc đẩy chiến lược "diễn biến hoà bình".

b) Thủ đoạn

– Chuẩn bị gây bạo loạn lật đổ

Các thế lực thù địch xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo và khuyến khích những phần tử cực đoan, bất mãn trong nước cùng câu kết với nhau để sẵn sàng tổ chức các hoạt động gây rối. Xây dựng và liên kết các tôn giáo trái pháp luật; tập hợp và phối hợp chặt chẽ các phần tử phản động, cơ hội chính trị, bất mãn trong nước để tạo dựng ngọn cờ, hình thành lực lượng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bí mật chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang phản động; sử dụng mạng xã hội và dùng tiền, vật chất để kích động, mua chuộc, lôi kéo quần chúng nhằm gây

áp lực với chính quyền. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị lực lượng và phương tiện chống phá; lựa chọn điểm nóng và chờ thời cơ để thực hiện bạo loạn lật đổ.

– Tiến hành bạo loạn lật đổ

Khi điều kiện thuận lợi, các đối tượng cốt cán, cầm đầu thực hiện kích động, dụ dỗ, lôi kéo và cưỡng ép Nhân dân tụ tập, biểu tình chống chính quyền. Đưa các đối tượng phản động, quá khích, tội phạm hình sự trà trộn để đập phá trụ sở, uy hiếp, khống chế cơ quan quyền lực địa phương. Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách mở rộng quy mô từ nhỏ đến lớn, phạm vi, địa bàn từ một vài nơi, một vài vùng lan ra nhiều nơi, nhiều vùng; đồng thời kêu gọi sự can thiệp, giúp đỡ từ bên ngoài để tăng sức mạnh.

Âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam là gì?

III. PHÒNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ

1. Một số giải pháp phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ

– Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tiến hành cuộc đấu tranh phải tích cực, thường xuyên và lâu dài, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

– Chú trọng tuyên truyền, giáo dục quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hình thành khả năng "miễn nhiễm", nâng cao "sức đề kháng" của xã hội trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.



Hình 4.4. Đồng bào các dân tộc thiểu số thôn Tà Vàng, xã Tây Giang, thành phố Đà Nẵng múa hát chào mừng Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc

– Phát huy mạnh mẽ vai trò của báo chí, truyền thông nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại những quan điểm sai trái, thù địch và các thông tin xấu, độc mà các thế lực thù địch, cơ hội chính trị chống phá trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng.

– Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, tham ô, lãng phí; xoá đói giảm nghèo, chăm lo ngày một tốt hơn đời sống mọi mặt của Nhân dân.

– Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, sự bình đẳng giữa các dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng của Nhân dân theo đúng pháp luật và truyền thống văn hoá Việt Nam.

– Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; mở rộng giao lưu quốc tế trên cơ sở giữ vững, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

– Khi bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp các biện pháp, các mặt đấu tranh; xử lí kiên quyết, linh hoạt, nhanh chóng, đúng đối tượng nhất là kẻ cầm đầu, không để lan rộng, kéo dài.

Để làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, chúng ta cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào?

2. Trách nhiệm của học sinh

– Tích cực học tập, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống để trở thành công dân tốt, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; nêu cao tinh thần cảnh giác, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.



Hình 4.5. Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ cho học sinh trường Trung học phổ thông Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

– Chấp hành nghiêm pháp luật, quy định của nhà trường và địa phương; tôn trọng, giữ gìn phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của quê hương; không để bị kích động, lôi kéo, tụ tập biểu tình, gây rối an ninh, trật tự.

– Tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc, quan điểm sai trái, thù địch diễn ra ở địa phương và trên không gian mạng.

– Không đọc, xem, "LIKE", chia sẻ những thông tin chưa được kiểm chứng trên các phương tiện thông tin đại chúng và không gian mạng; chấp hành nghiêm Luật An ninh mạng.

Học sinh cần làm gì để góp phần phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ?

LUYỆN TẬP

1. Vì sao nói chiến lược "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ có mối quan hệ mật thiết với nhau?
2. Khi đề cập đến thủ đoạn chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, có các ý kiến cho rằng:

   Ý kiến 1: Chiến lược "diễn biến hoà bình" chỉ tập trung vào lĩnh vực tư tưởng, văn hoá là chủ yếu.

   Ý kiến 2: Thủ đoạn duy nhất của các thế lực thù địch trong chiến lược "diễn biến hoà bình" là đòi phi chính trị hoá Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

   Ý kiến 3: Lực lượng tiến hành hoạt động bạo loạn lật đổ chủ yếu là các tổ chức phản động của người Việt Nam ở nước ngoài.

   Quan điểm của em về các ý kiến trên như thế nào?
3. Vì sao các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng mạng xã hội để thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ đối với cách mạng Việt Nam? Thủ đoạn của chúng như thế nào?

VẬN DỤNG

1. Hãy chia sẻ với bạn bè về một số giải pháp phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địa phương em.
2. Khi tham gia vào mạng xã hội Facebook, em phát hiện bạn mình thường xuyên "LIKE" và chia sẻ bài viết mà không quan tâm đến nội dung trong đó. Sau đó, em phát hiện một số bài viết bạn em chia sẻ có nội dung bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử Việt Nam. Em sẽ làm gì trong tình huống trên?

Bài

5 TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được một số nét chính về truyền thống và nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương, phát huy truyền thống của cha ông, tự giác tu dưỡng, rèn luyện xứng đáng với truyền thống quê hương;
* Chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương.

MỞ ĐẦU

Em hãy nêu ý nghĩa của các phong trào ở hình 5.1.



a

Phong trào thanh niên "Ba sẵn sàng" ở Thái Bình (nay là Hưng Yên): Người lên đường chiến đấu, người ở lại hậu phương thi đua sản xuất dưới bom đạn (tháng 8/1964)



b

Học sinh trường cấp III Yên Hoà, Hà Nội đăng kí phong trào "Ba đảm nhiệm", sau này là phong trào phụ nữ "Ba đảm đang" (tháng 3/1965)

Hình 5.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG

1. Thành phần của lực lượng vũ trang địa phương

Thành phần của lực lượng vũ trang địa phương gồm: bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, bộ đội biên phòng ở các địa phương biên giới và Công an nhân dân (công an cấp tỉnh, cấp xã).

Bộ đội địa phương: Là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp xã; do cơ quan quân sự địa phương trực tiếp chỉ huy, cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo. Làm nòng cốt trong chiến tranh nhân dân địa phương, lực lượng cơ động chủ yếu trên địa bàn địa phương

trong tác chiến; phối hợp cùng Dân quân tự vệ, Công an nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị địa phương trong thời bình.

Dân quân tự vệ: Là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát li sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế gọi là tự vệ.

Lực lượng dự bị động viên: Là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam; gồm quân nhân dự bị và phương tiện kĩ thuật dự bị được đăng kí, quản lí và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

Bộ đội biên phòng: Là lực lượng vũ trang nhân dân, thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

Công an cấp tỉnh và cấp xã: Trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, công an cấp tỉnh, cấp xã phối hợp với bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Nơi em sinh sống có những thành phần lực lượng vũ trang địa phương nào? Lấy ví dụ cho các thành phần đó.

2. Một số nét chính về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương

a) Tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; phục tùng sự lãnh đạo, quản lí của cấp uỷ, chính quyền địa phương

Lực lượng vũ trang địa phương là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân do Đảng tổ chức, lãnh đạo; Nhà nước quản lí. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự ra đời, trưởng thành, phát triển của lực lượng vũ trang địa phương. Điều đó quyết định bản chất giai cấp, ý chí chiến đấu, tình yêu quê hương đất nước và lòng trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân của lực lượng vũ trang địa phương trong suốt chiều dài lịch sử. Đặt dưới sự lãnh đạo, quản lí trực tiếp của cấp uỷ, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang địa phương luôn tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành của cấp uỷ, chính quyền địa phương trong mọi nhiệm vụ. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương luôn sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì mục tiêu, lí tưởng cao cả của Đảng, của giai cấp, của quân đội; kiên cường chiến đấu bảo vệ Nhân dân và chính quyền địa phương.



Hình 5.2. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập năm 1941

Hiện nay, bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch phản động ráo riết chống phá cách mạng Việt Nam. Lực lượng vũ trang địa phương luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân.

b) Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, càng đánh càng mạnh

Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường là truyền thống của dân tộc, sức mạnh nội sinh của đất nước; vừa là đường lối, quan điểm vừa là phương châm chỉ đạo hành động của Đảng. Với phương châm tự lực cánh sinh, lực lượng vũ trang địa phương đã quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, đem sức ta mà giải phóng cho ta. Không chịu khuất phục trước quân địch, khắc phục khó khăn, phát huy sức mạnh tại chỗ, chủ động đánh địch, làm tiêu hao, tiêu diệt địch, giải phóng địa phương.



Hình 5.3. Tự vệ Thủ đô chiến đấu, bảo vệ bầu trời (tháng 12/1972)

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự chỉ huy, điều hành chặt chẽ của chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang địa phương phát triển ngày càng lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng; phát triển cả về vũ khí, trang bị và cách đánh. Phát huy sức mạnh của chính mình, linh hoạt và mềm dẻo, mưu lược và táo bạo, sáng tạo trong từng trận đánh làm cho lực lượng vũ trang địa phương càng đánh càng mạnh, đánh bại những đội quân xâm lược có quân số đông, được trang bị hiện đại, có sức cơ động cao, hoả lực mạnh.

Trong tình hình mới, lực lượng vũ trang địa phương luôn phát huy tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; chủ động xây dựng lực lượng hùng mạnh, huấn luyện giỏi, sẵn sàng chiến đấu cao; đấu tranh làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

c) Kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, linh hoạt trong chiến đấu và lao động

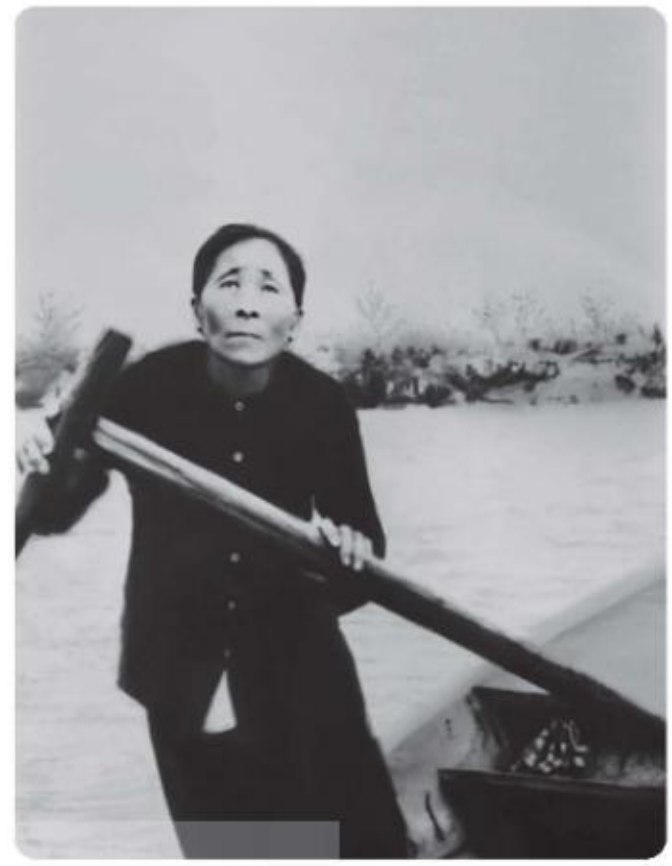
Kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo là phẩm chất của lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng vũ trang địa phương nói riêng. Đặc biệt, lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên hoạt động phân tán nhỏ, lẻ, nhiều lúc cài xen với địch, rơi vào tình huống khó khăn, phức tạp, biến động khó lường càng đòi hỏi phải kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, linh hoạt.

Trong chiến đấu, lực lượng vũ trang địa phương luôn kiên cường, bất khuất, không sợ hi sinh, gian khổ để đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ quê hương, đất nước. Đã có nhiều cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng Nhân dân dũng cảm, mưu trí, sáng tạo tiến công tiêu diệt địch đến cùng để bảo vệ quê hương; không chịu đầu hàng, khai báo khi bị địch bắt và tra tấn dã man, thậm chí, có người khi bị đưa ra

xử bắn vẫn nêu cao khí phách hiên ngang, bất khuất, kiên trung; nhiều người mẹ, người chị không sợ hi sinh để nuôi giấu cán bộ, làm giao liên, y tá,... ngay giữa làn bom đạn của địch.

Lực lượng vũ trang địa phương vừa chiến đấu vừa lao động sản xuất. Khi có địch thì nghĩ ra nhiều cách đánh độc đáo, sáng tạo bằng nhiều loại vũ khí khác nhau phù hợp với thế mạnh của địa phương; khi không có địch thì tích cực sản xuất bảo đảm đời sống và kết hợp canh gác, cảnh giới địch.

Trong thời bình, lực lượng vũ trang địa phương luôn thực hiện tốt việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lao động sản xuất phát triển kinh tế ở địa phương; đi đầu trong phòng, chống giảm nhẹ thiên tai. Nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phát hiện, ngăn chặn âm mưu xâm lược của địch, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.



Hình 5.4. Mẹ Nguyễn Thị Suốt chèo đò đưa bộ đội qua sông Nhật Lệ trong kháng chiến chống Mỹ

d) Gắn bó máu thịt với Nhân dân, sẵn sàng hi sinh bảo vệ tài sản của Nhà nước ở địa phương, tính mạng, tài sản của Nhân dân

Đây là nét đẹp truyền thống, là cội nguồn sức mạnh của lực lượng vũ trang địa phương. Sự gắn bó đó là mối quan hệ mật thiết, giúp đỡ lẫn nhau giữa lực lượng vũ trang địa phương và Nhân dân. Nhân dân là hậu phương vững chắc, nguồn sức mạnh to lớn, giúp cho lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù. Ngược lại, lực lượng vũ trang địa phương luôn sẵn sàng xả thân chiến đấu, hi sinh để bảo vệ tài sản của Nhà nước ở địa phương, tính mạng, tài sản của Nhân dân và bảo vệ chính những người thân yêu của mình ở địa phương.

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đều là con em của Nhân dân ở địa phương, được tổ chức ra để bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân ở địa phương nên được dân yêu, dân mến, dân nuôi dưỡng, che chở. Trong chiến tranh, Nhân dân chắt chiu, gom góp cho đầy "hũ gạo kháng chiến", gửi áo ấm, chăn màn cho chiến sĩ, đào hầm nuôi giấu bộ đội,...



Hình 5.5. Thanh niên Hà Tây (nay là Hà Nội) nô nức lên đường chiến đấu trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (tháng 8/1964)

Nhân dân địa phương cùng nhau thi đua thực hiện phong trào: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "Xe chưa qua, nhà không tiếc", "Tất cả vì tiền tuyến", "Ba đảm đang", "Ba sẵn sàng", "Tay cày, tay súng",... để hỗ trợ, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Ở mọi giai đoạn lịch sử, lực lượng vũ trang địa phương luôn kề vai sát cánh, đồng cam, cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, đoàn kết với Nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thách thức; sẵn sàng hi sinh để bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân.

e) Đoàn kết, tận tình giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn

Lực lượng vũ trang địa phương không chỉ đoàn kết, gắn bó máu thịt với Nhân dân trên địa bàn, mà còn đoàn kết, tận tình giúp đỡ Nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương bạn; nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng, thuỷ chung, chí nghĩa, chí tình. Các địa phương thường xuyên đoàn kết, phối hợp cùng nhau thành hệ thống làng xã chiến đấu, cụm xã (khu phố) chiến đấu; tạo thành thế trận phòng thủ lợi hại, có thể đánh địch ở khắp nơi và bất cứ lúc nào. Sẵn sàng tiêu diệt địch trên địa bàn mình và địa bàn lân cận nhằm mở rộng vùng giải phóng, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước.

Hiện nay, lực lượng vũ trang các địa phương luôn đoàn kết, cùng nhau khắc phục hậu quả sau chiến tranh; xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Ở các vùng biên giới, lực lượng vũ trang địa phương luôn thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế, góp phần xây dựng tình đoàn kết giữa các dân tộc trên thế giới.



Hình 5.6. Đồng bào vùng địch thị xã Tuy Hoà, Phú Yên (nay là phường Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk) nổi dậy phá "ấp chiến lược" trở về làng cũ làm ăn (năm 1966)

Em hãy nêu một số truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương.

3. Một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương

a) Tiến hành chiến tranh nhân dân ở địa phương, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc

Lực lượng tiến hành chiến tranh nhân dân ở địa phương là toàn dân đánh giặc, trong đó lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Bao gồm các hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, binh vận, đấu tranh kinh tế, văn hoá, tư tưởng,... của Nhân dân trên từng địa phương, nhằm đánh địch có hiệu quả để tự bảo vệ và làm chủ địa bàn.

Mỗi địa phương là một mặt trận, mỗi người dân yêu nước là một chiến sĩ, mỗi làng, xã, đường phố là một pháo đài; phát huy sức mạnh tổng hợp của các địa phương trên phạm vi cả nước; kìm chân địch ở mọi nơi, làm cho địch bị động, phân tán, tiêu hao lực lượng, bộc lộ những sơ hở, yếu kém, tạo thời cơ cho bộ đội chủ lực chiến đấu giành thắng lợi.

b) Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, bám trụ kiên cường; tích cực, chủ động đánh địch rộng khắp, mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi thứ vũ khí với nhiều quy mô

Lực lượng vũ trang địa phương luôn phải đối phó với quân địch có tiềm lực quân sự mạnh hơn nhiều lần; ta có sức mạnh tổng hợp và chiến đấu vì chính nghĩa nên lực lượng vũ trang địa phương luôn quán triệt sâu sắc tư tưởng chiến lược tiến công, kiên cường bám trụ. Lấy hành động tiến công là chính, kết hợp với phòng ngự chủ động, kiên cường bám trụ (bám dân, bám đất, bám địch,...), làm chủ làng (bản), xã, phường; luôn tìm cách giành và giữ quyền chủ động trên chiến trường. Đánh lui địch từng bước, đánh đổ địch từng bộ phận, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Đánh địch ở mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi hình thức (chính trị, quân sự, binh vận,...) với mọi vũ khí, phương tiện (vũ khí thô sơ, tự tạo, vũ khí lấy được của địch,...), với nhiều quy mô khác nhau (đánh nhỏ lẻ, khi phân tán, lúc tập trung,...) làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, ở đâu cũng không yên, bị hao mòn về lực lượng, phương tiện, sa sút về tinh thần, tan rã về tổ chức, buộc địch phải phân tán lực lượng, từ thế tiến công chuyển sang thế phòng ngự, từ mạnh chuyển thành yếu.

c) Tận dụng, cải tạo địa hình, tạo lập thế trận tại chỗ; phát huy sở trường, phối hợp các lực lượng

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương là những người rất thông thạo địa hình ở địa bàn, nên có thể triệt để khai thác yếu tố có lợi của địa hình, thời tiết để triển khai hoạt động tiến công tiêu diệt địch. Tổ chức xây dựng các loại công sự chiến đấu, hầm, hào giao thông, đường hầm, hầm bí mật để giữ lực lượng, hầm cất giấu vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm cần thiết,... thậm chí xây dựng địa đạo kiên cố hiểm hóc để duy trì cuộc chiến đấu lâu dài. Thực hiện tốt phương châm: bốn tại chỗ, gồm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ; làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh.

Phát huy sở trường của lực lượng vũ trang địa phương là cách đánh du kích, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều; luôn giữ quyền chủ động tiến công, cơ động linh hoạt, bí mật bất ngờ, đánh nhanh, rút nhanh, có kế hoạch thích hợp, chu đáo. Phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, với lực lượng chính trị quần chúng, nhất là "Đội quân tóc dài" để đánh địch.

d) Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, sáng tạo nhiều cách đánh

Để đánh bại quân địch có vũ khí trang bị, lực lượng lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần, lực lượng vũ trang địa phương đã vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu (tập kích, phục kích, độn thổ, độn thuỷ,...), sáng tạo ra nhiều cách đánh để tiêu diệt địch, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân trên địa bàn.

Chiến đấu bằng mọi vũ khí có trong tay; đánh địch trên khắp các chiến trường, trên nhiều lĩnh vực cả chính trị, quân sự và binh vận.

Với trí thông minh, sáng tạo, lực lượng vũ trang địa phương đã nghĩ ra nhiều cách đánh địch bất ngờ và táo bạo gây cho địch nhiều thiệt hại, không kịp đối phó. Kết hợp tác chiến du kích với tác chiến tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn nhằm phân tán lực lượng địch, làm giảm sức mạnh và gây hoang mang cho binh lính địch. Tổ chức đánh địch nhỏ lẻ, rộng khắp, thường xuyên, liên tục do từng người, tổ, tiểu đội, trung đội tiến hành trên phạm vi hẹp, nhằm tạo ra thế trận tiến công liên tục, thế xen kẽ cài răng lược, thế uy hiếp địch ở khắp nơi, địch phải phân tán đối phó, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực thực hành những trận đánh tập trung tiêu diệt địch.

e) Phối hợp, hiệp đồng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm chiến đấu chặt chẽ với bộ đội chủ lực trên địa bàn

Trong chiến đấu, phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang địa phương với bộ đội chủ lực là sự cần thiết, có tính tất yếu; hai lực lượng này luôn có mối quan hệ tác động qua lại, dựa vào nhau, hỗ trợ và tạo điều kiện cho nhau để phát huy sức mạnh và khả năng tác chiến của mỗi bên.

Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động của lực lượng tại chỗ với lực lượng cơ động, giữa lực lượng của địa phương với bộ đội chủ lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp để đánh thắng địch. Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên cung cấp thông tin về địch, dẫn đường, tiếp tế lương thực, vận chuyển đạn dược, thương binh, bệnh binh,... và bảo đảm mọi mặt cho bộ đội chủ lực chiến đấu. Khi tác chiến thì tiến hành hoạt động nghi binh, đánh tiêu hao, tiêu diệt nhỏ, kìm giữ địch, chia cắt, căng kéo địch, buộc địch phải phân tán đối phó, bộc lộ sơ hở; tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung lực lượng đánh vào chỗ sơ hở, mỏng yếu của địch.

Hình 5.7. Tự vệ nhà máy bánh kẹo Hà Nội phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội cao xạ, sẵn sàng đánh trả máy bay giặc Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc

Em hãy nêu một số nét chính về nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang địa phương.

II. TRÁCH NHIỆM TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ, GIỮ GÌN, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

1. Tìm hiểu truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương nơi học sinh đang sinh sống

Tìm hiểu về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương là trách nhiệm và niềm tự hào của mỗi người. Qua đó, thấy được những cống hiến, hi sinh to lớn vì

sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc trong suốt chiều dài lịch sử của các thế hệ lực lượng vũ trang địa phương. Khi tìm hiểu về truyền thống lực lượng vũ trang địa phương cần tập trung vào những nội dung sau:

- Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương; quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang địa phương.
- Sự đóng góp, hi sinh và những chiến công, thành tích của lực lượng vũ trang địa phương trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; những danh hiệu cao quý được Đảng và Nhà nước ghi nhận, phong tặng như: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước,...
- Người có công với cách mạng như: Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kì kháng chiến; thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;...



Hình 5.8. Tượng đài Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại phường Quảng Phú, Thành phố Đà Nẵng

- Những đóng góp của lực lượng vũ trang địa phương trong thời bình ở các nhiệm vụ như: Tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; tham gia khắc phục hậu quả sau chiến tranh; xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội;...
- Các công trình ghi nhận và tưởng nhớ sự đóng góp, hi sinh của lực lượng vũ trang địa phương như: Nghĩa trang liệt sĩ, tượng đài, đền thờ, nhà tưởng niệm,...

Em hãy tìm hiểu về truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương nơi em sinh sống.

2. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực học tập, tìm hiểu về lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang địa phương; tự hào về những truyền thống tốt đẹp của nhà trường và địa phương.

Đóng góp sức lực, trí tuệ nhỏ bé để xây dựng những truyền thống quê hương; thường xuyên vun đắp, tạo dựng nhiều truyền thống tốt đẹp khác ở nhà trường, địa phương trong quá trình học tập, sinh hoạt và công tác.

Luôn biết ơn và trân trọng những cống hiến, hi sinh của thế hệ ông cha; tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tiếp lửa truyền thống, kỉ niệm các ngày lễ, ngày truyền thống,... do nhà trường, địa phương tổ chức.



Hình 5.9. Đoàn viên thanh niên thắp nến tri ân tại nghĩa trang liệt sĩ phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

Thường xuyên tuyên truyền về lịch sử, truyền thống của nhà trường, địa phương với bạn bè trong nước và quốc tế; kịp thời phản ánh với nhà trường, chính quyền địa phương về những hành vi bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử, truyền thống của nhà trường và quê hương trên không gian mạng và các phương tiện thông tin đại chúng.

Sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và phục vụ lâu dài trong quân đội, công an để cống hiến, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

Học sinh cần làm gì để phát huy truyền thống của nhà trường và địa phương?

LUYỆN TẬP

1. Lực lượng vũ trang địa phương luôn kiên cường, dũng cảm, mưu trí trong chiến đấu được thể hiện như thế nào? Lấy ví dụ về tập thể, cá nhân kiên cường, dũng cảm, mưu trí trong chiến tranh giải phóng dân tộc.
2. Theo em, sự gắn bó máu thịt với Nhân dân của lực lượng vũ trang địa phương thể hiện như thế nào trong chiến đấu?
3. Hãy nêu những hoạt động thể hiện việc phối hợp, hiệp đồng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương với bộ đội chủ lực.
4. Em hãy cho biết quan điểm của mình trong mỗi tình huống dưới đây:
   a) Trong cuộc sống thời bình, An cho rằng không cần dành nhiều thời gian để học tập, tìm hiểu về những truyền thống trong chiến đấu mà tập trung vào nghiên cứu xã hội hiện tại để theo kịp sự phát triển trên thế giới.
   b) Khi ở địa phương và nhà trường tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhằm tri ân những người đã có công với Tổ quốc, Bình luôn tìm lí do để không tham gia vì cho rằng những hoạt động đó chỉ làm mất thời gian, không mang lại ý nghĩa gì cho việc học tập và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.

VẬN DỤNG

Em hãy sưu tầm và chia sẻ với các bạn những câu chuyện về các liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân,... ở địa phương em.

Bài

6 KĨ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được một số nội dung cơ bản về lí thuyết và động tác, kĩ thuật bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK;
* Biết thực hành bắn trúng mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

MỞ ĐẦU

Em hãy quan sát và cho biết, các chiến sĩ trong hình 6.1 đang làm gì.



Hình 6.1

KHÁM PHÁ

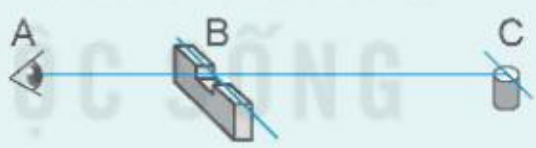
I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ LÍ THUYẾT BẮN

1. Khái niệm về ngắm bắn

Ngắm bắn là xác định góc bắn và hướng bắn cho súng để đưa quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

2. Định nghĩa các yếu tố về ngắm bắn

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua điểm chính giữa mép trên khe ngắm đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm (Hình 6.2).

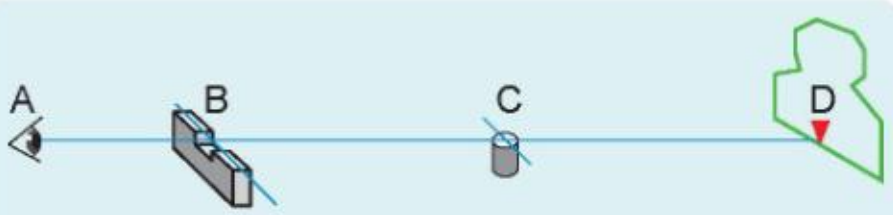


A. Mắt người ngắm
B. Điểm chính giữa mép trên khe ngắm
C. Điểm chính giữa mép trên đầu ngắm

Hình 6.2. Đường ngắm cơ bản

Điểm ngắm đúng là điểm được xác định trước, sao cho khi ngắm vào đó để bắn thì quỹ đạo của đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

Đường ngắm đúng là đường ngắm cơ bản được dóng vào điểm ngắm đã xác định với điều kiện mặt súng phải thăng bằng (Hình 6.3).



D. Điểm ngắm đúng

Hình 6.3. Đường ngắm đúng

Đường ngắm cơ bản và đường ngắm đúng khác nhau như thế nào?

3. Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn

Muốn bắn trúng mục tiêu, người bắn phải thực hiện tốt ba yếu tố: Lấy thước ngắm đúng, chọn điểm ngắm đúng và có đường ngắm đúng.

Nếu người bắn thực hiện không tốt các yếu tố nêu trên thì kết quả bắn không cao, thậm chí không trúng mục tiêu. Sau đây là một số sai sót mà người bắn thường mắc phải:

a) Ngắm sai đường ngắm cơ bản

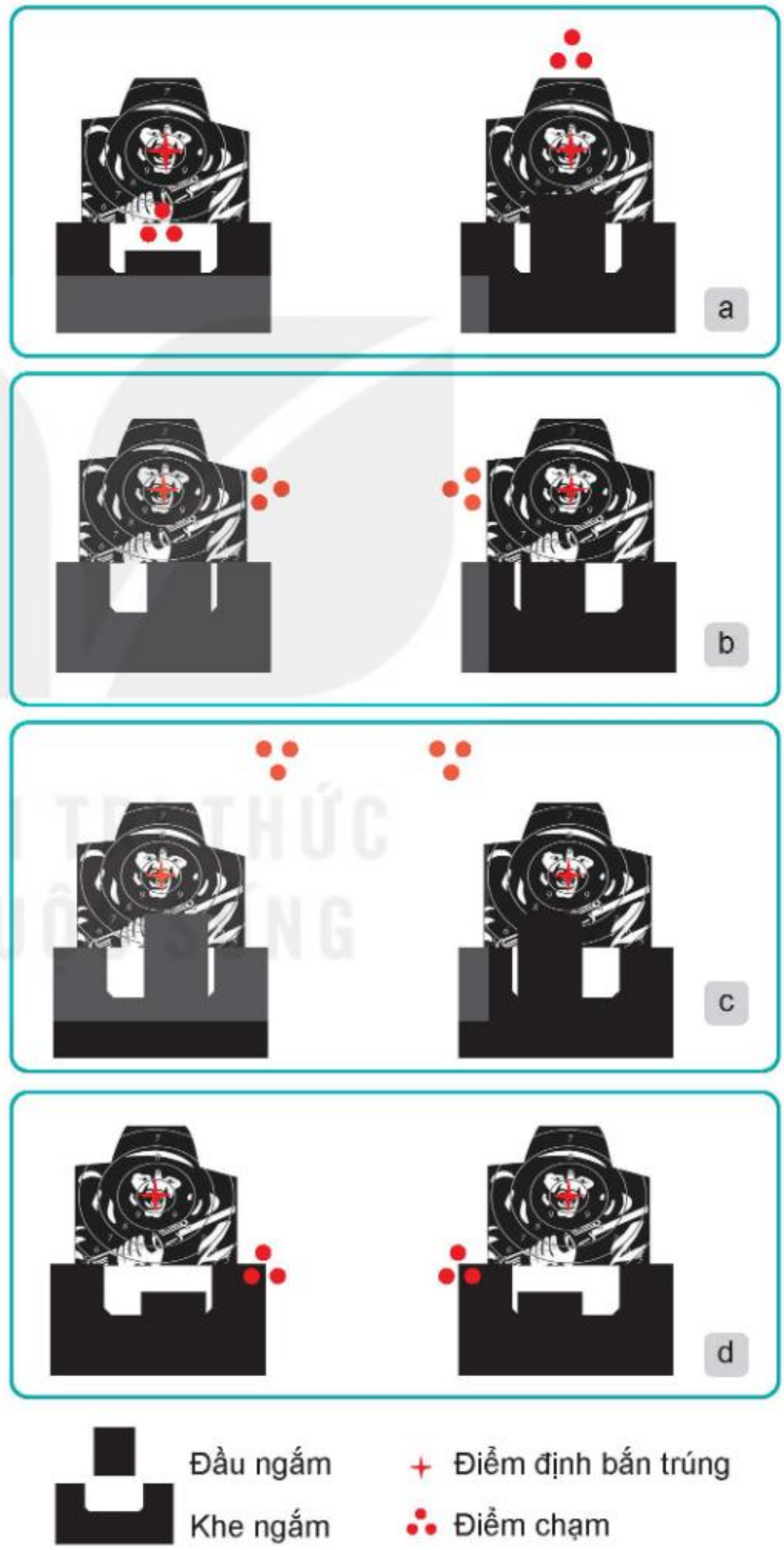
Thực chất là người bắn lấy sai góc bắn (tăng hoặc giảm) và hướng bắn (lệch phải hoặc lệch trái). Sai lệch này ảnh hưởng rất lớn đến kết quả bắn, cụ thể:

– Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm thấp (hoặc cao) hơn điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm sẽ thấp (hoặc cao) hơn điểm định bắn trúng (Hình 6.4a).

– Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm lệch phải (hoặc trái) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm sẽ lệch phải (hoặc trái) so với điểm định bắn trúng (Hình 6.4b).

– Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm sẽ vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm định bắn trúng (Hình 6.4c).

– Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa thấp vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm sẽ vừa thấp vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm định bắn trúng (Hình 6.4d).



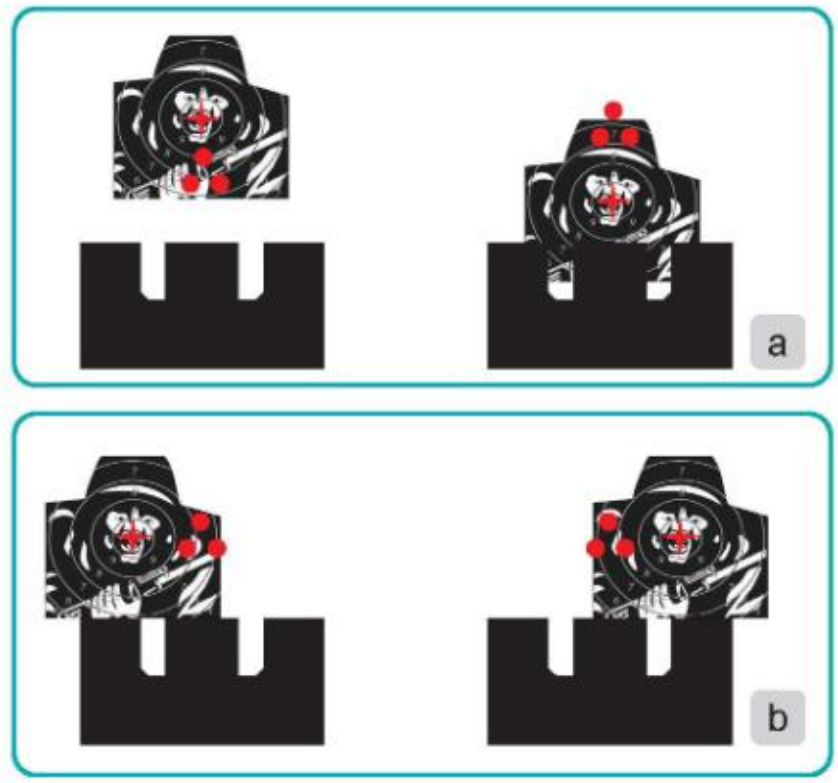
Hình 6.4. Ảnh hưởng của ngắm sai đường ngắm cơ bản

b) Ngắm sai điểm ngắm

Khi đường ngắm cơ bản đã chính xác, mặt súng thăng bằng, nếu điểm ngắm sai lệch so với điểm ngắm đúng bao nhiêu thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ sai lệch so với điểm định bắn trúng bấy nhiêu, cụ thể:

– Điểm ngắm thấp hơn hoặc cao hơn so với điểm ngắm đúng thì điểm chạm sẽ thấp hơn hoặc cao hơn điểm định bắn trúng (Hình 6.5a).

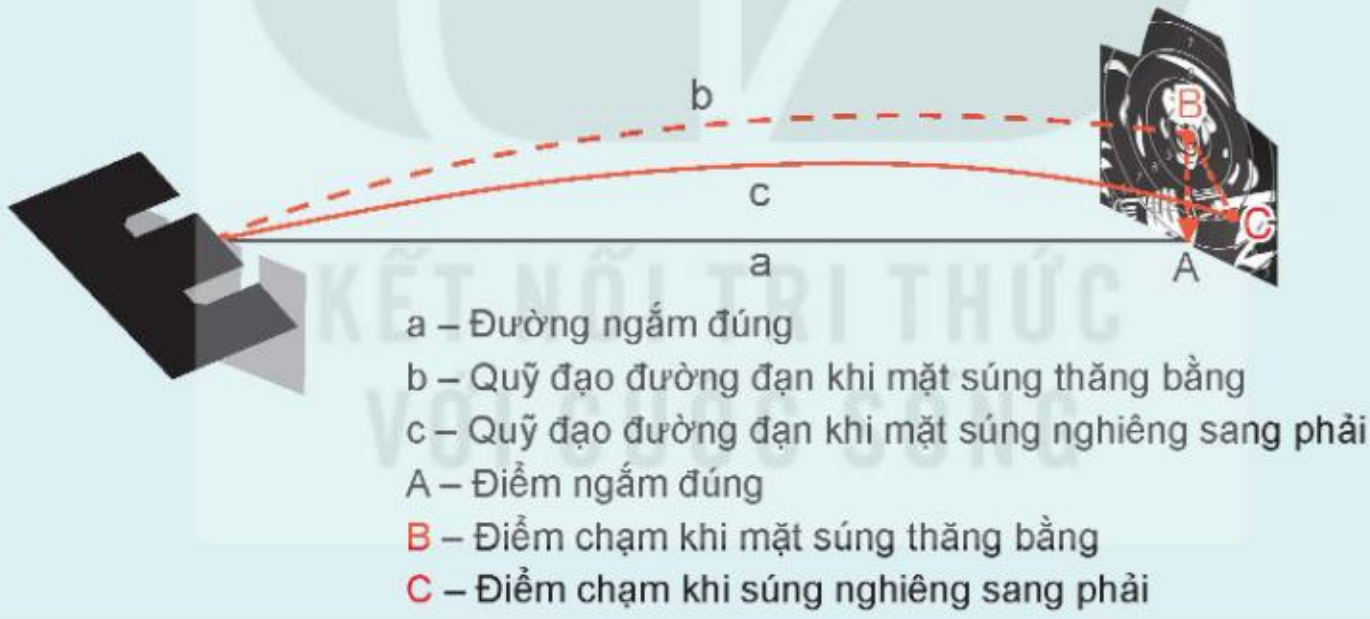
– Điểm ngắm lệch sang phải (hoặc trái) so với điểm ngắm đúng thì điểm chạm sẽ lệch sang phải (hoặc trái) so với điểm định bắn trúng (Hình 6.5b).



Hình 6.5. Ảnh hưởng của ngắm sai điểm ngắm

c) Mặt súng không thăng bằng

Khi đã có đường ngắm cơ bản và điểm ngắm đúng nếu mặt súng nghiêng về bên nào thì điểm chạm sẽ lệch về bên đó và thấp xuống (Hình 6.6).



Hình 6.6. Ảnh hưởng của mặt súng không thăng bằng

Những yếu tố nào ảnh hưởng đến kết quả bắn?

II. ĐỘNG TÁC BẮN TẠI CHỖ CỦA SÚNG TIỂU LIÊN AK

Động tác bắn tại chỗ của súng tiểu liên AK gồm có:

– Động tác nằm bắn;

– Động tác quỳ bắn;

– Động tác đứng bắn.

Ở cấp Trung học phổ thông, các em chỉ học động tác nằm bắn.

1. Động tác nằm bắn không tì

a) Trường hợp vận dụng

Thường vận dụng trong điều kiện gần địch; địa hình có vật che đỡ, che khuất cao ngang tầm người nằm.

b) Khẩu lệnh

"Nằm chuẩn bị bắn".

c) Động tác

– Động tác chuẩn bị bắn

+ Chuẩn bị tư thế:

Khi nghe dứt khẩu lệnh, người bắn về tư thế xách súng, thực hiện ba cử động:

Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài chếch theo hướng mũi bàn chân phải. Chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ, xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải (Hình 6.7a).

Cử động 2: Chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải, cách khoảng 20 cm, mũi bàn tay chếch về bên phải phía sau. Hạ cẳng tay trái xuống đất, khuỷu tay ở phía trước, cách hướng bàn chân phải khoảng 15 cm, đặt gối trái và đùi trái xuống đất (Hình 6.7b).

Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái ngửa đỡ ốp lót tay, khoảng dưới khung thước ngắm (tay kéo bệ khoá nòng hướng lên trên). Chân phải duỗi thẳng về sau, người nằm úp xuống đất, hai chân mở rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng sang hai bên. Người hợp với hướng bắn một góc khoảng 30° (Hình 6.7c).



Hình 6.7. Chuẩn bị tư thế

+ Động tác lắp đạn:

Tay phải tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng ra đưa cho tay trái, tay trái dùng ngón giữa và ngón áp út kẹp hộp tiếp đạn vào má phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào thân người, sống hộp tiếp đạn hướng xuống đất. Nghiêng người sang trái, tay phải mở túi đựng hộp tiếp đạn, lấy hộp tiếp đạn có đạn lắp vào súng (Hình 6.8),


Hình 6.8. Động tác lắp đạn

cất hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng. Sau đó, dùng ngón cái tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo bệ khoá nòng về sau hết cỡ rồi thả ra đột nhiên để khoá nòng đẩy viên đạn vào buồng đạn. Dùng ngón trỏ bàn tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí an toàn rồi về nắm tay cầm. Ngón tay trỏ duỗi thẳng đặt ngoài vành cò, mặt súng hướng lên trên. Mắt luôn quan sát mục tiêu, chờ lệnh.

– Động tác bắn

+ Động tác lấy thước ngắm:

Tay phải dùng ngón trỏ và ngón cái bóp núm cữ thước ngắm, dịch chuyển sao cho mép trước núm cữ thước ngắm trùng với vạch ngang dưới chữ số thước ngắm định lấy (Hình 6.9); thả núm cữ ra, kiểm tra thấy chắc chắn là được.



Hình 6.9. Động tác lấy thước ngắm

+ Động tác giương súng:

Tay trái nắm ốp lót tay, bàn tay ngửa, ốp lót tay dưới nằm trong lòng bàn tay, bốn ngón con khép kín cùng với ngón cái nắm chắc súng tự nhiên.

Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, rồi nắm tay cầm, hổ khẩu tay nắm chính giữa phía sau tay cầm, ngón trỏ đặt ngoài vành cò, các ngón còn lại và ngón cái nắm chắc tay cầm. Kết hợp hai tay nâng súng lên, đặt phần trên của đế báng súng vào chính giữa hõm vai bên phải, ghì chặt súng vào vai. Hai khuỷu tay chống chắc xuống đất rộng bằng vai, má phải của cẳng tay trái áp sát vào má trái của hộp tiếp đạn (Hình 6.10). Nhìn qua đường ngắm, nếu súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người qua phải hoặc qua trái để điều chỉnh hướng súng vào mục tiêu. Không dùng tay để điều chỉnh hướng súng, làm cho tư thế gò bó.



Hình 6.10. Động tác giương súng

Chú ý: Khi giương súng phải bảo đảm tốt các yếu tố: bằng, chắc, đều, bền. "Bằng" là mặt súng phải bằng. "Chắc" là hai tay giữ súng, ghì súng chắc vào vai, hai khuỷu tay chống xuống đất chắc chắn, súng và người thành một khối vững chắc. "Đều" là lực giữ hai tay và lực ghì súng vào vai phải đều nhau. "Bền" là thực hiện các yếu tố bằng, chắc, đều trong suốt quá trình thực hiện phát bắn, loạt bắn.

+ Động tác ngắm:

Áp má phải vào báng súng với lực vừa phải để đầu người bắn ít bị rung động. Không gối má vào báng súng làm cho mặt súng nghiêng, khi bắn liên thanh dễ làm cho báng súng bị tụt xuống hoặc áp má không sát làm đầu rung, khó ngắm. Nheo mắt trái, tập trung thị lực vào mắt phải hoặc



Hình 6.11. Động tác ngắm

có thể mở cả hai mắt để ngắm. Nếu mở cả hai mắt thì tập trung thị lực vào mắt ngắm để lấy đường ngắm cơ bản, rồi đưa đường ngắm cơ bản vào điểm ngắm đã xác định trên mục tiêu (Hình 6.11).

+ Động tác bóp cò:

Trước khi bóp cò kết thúc phát (loạt) bắn phải ngưng thở, để giữ cho người và súng ổn định. Trước khi ngưng thở có thể thở ra hoặc hít vào sâu rồi mới ngưng thở.



Hình 6.12. Động tác bóp cò

Dùng phần cuối đốt thứ nhất, đầu đốt thứ hai của ngón trỏ tay phải để bóp cò, mặt trong của ngón tay trỏ sát gần vào tay cầm. Bóp cò êm, đều, từ từ, thẳng về sau theo trục nòng súng cho đến khi đạn nổ (Hình 6.12).

Khi bắn loạt ngắn (2 – 3 viên), động tác bóp cò phải êm, đều, hết cỡ rồi thả ra. Khi thả, ngón tay bóp cò không rời khỏi cò súng, tránh thả cò quá nhanh (nháy cò) dễ gây nên bắn phát một.

Khi bắn loạt dài (6 – 10 viên), động tác bóp cò phải đều và hết cỡ, hơi dừng lại rồi thả ra ngay. Khi thả, ngón tay bóp cò không rời khỏi cò súng, tránh thả cò quá nhanh.

Chú ý: Khi đang bóp cò nếu đường ngắm bị sai lệch thì ngừng bóp cò, ngón trỏ giữ nguyên áp lực lên tay cò, chỉnh lại đường ngắm rồi tiếp tục tăng cò kết thúc phát bắn. Không dùng lực cả bàn tay để bóp cò; không bóp cò vội vàng, chớp thời cơ làm súng đột nhiên bị rung động mạnh, bắn không chính xác, kết quả không cao. Quá trình bóp cò phải luôn điều chỉnh và giữ đường ngắm đúng.

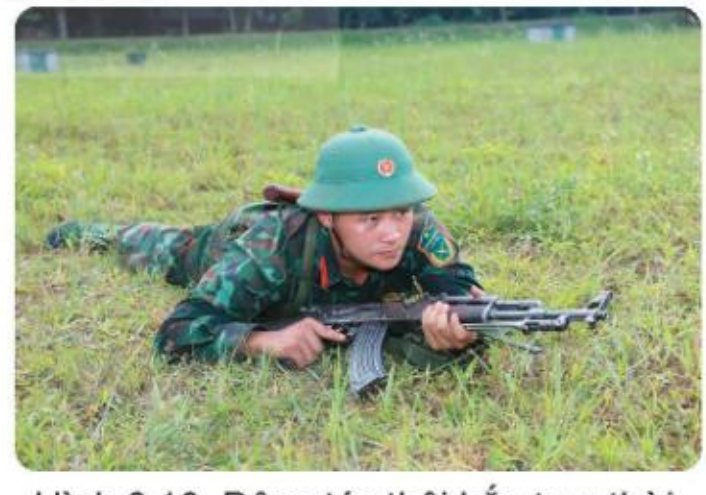
– Động tác thôi bắn

Gồm trường hợp thôi bắn tạm thời và trường hợp thôi bắn hoàn toàn.

+ Thôi bắn tạm thời:

Khẩu lệnh: "Ngừng bắn".

Động tác: Khi nghe dứt khẩu lệnh, người bắn hạ súng xuống, ngón trỏ tay phải thả cò súng ra, gạt cần định cách bắn về vị trí an toàn. Hai tay đưa súng về vị trí, giữ súng như khi chuẩn bị bắn, mắt quan sát mục tiêu chờ lệnh (Hình 6.13). Nếu súng hết đạn thì bổ sung hoặc thay hộp tiếp đạn.



Hình 6.13. Động tác thôi bắn tạm thời

+ Thôi bắn hoàn toàn:

Khẩu lệnh: "Thôi bắn, khám súng, đứng dậy".

Động tác tháo đạn: Khi nghe dứt khẩu lệnh, ngón trỏ thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống. Tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra trao cho tay trái, tay trái dùng ngón giữa và ngón áp út kẹp giữ hộp tiếp đạn bên phải ốp lót tay. Tay phải dùng ngón cái

kéo bệ khoá nòng từ từ về sau, ngón trỏ lướt trên cửa thoát vỏ đạn, ba ngón con khép lại chắn ở cửa lắp hộp tiếp đạn để đỡ và lấy viên đạn từ trong buồng đạn ra (Hình 6.14), lắp viên đạn vào hộp tiếp đạn có đạn. Lấy hộp tiếp đạn không có đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào túi đựng; bóp cò, gạt cần định cách bắn về vị trí an toàn, kéo cữ thước ngắm về vị trí n hoặc D.



Hình 6.14. Động tác tháo đạn

– Động tác đứng dậy



Hình 6.15. Động tác đứng dậy

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, người nằm nghiêng sang trái, chân trái co lên, sao cho đầu gối ngang thắt lưng. Đồng thời, tay phải đưa súng về, đặt ốp lót tay trên đùi trái, hộp tiếp đạn quay sang phải. Bàn tay trái thu về úp dưới ngực (Hình 6.15a).

Cử động 2: Phối hợp sức đẩy tay trái và hai chân nâng người lên. Chân phải bước lên một bước ngang với mũi bàn tay trái, xoay bàn tay trái về trước, đồng thời dùng sức chân trái và tay trái đẩy người đứng dậy (Hình 6.15b).

Cử động 3: Chân trái kéo về sát chân phải, tay phải xách súng ngang thắt lưng (Hình 6.15c) hoặc đưa về thành tư thế mang súng.

2. Động tác nằm bắn có tì

Trường hợp vận dụng, khẩu lệnh, động tác cơ bản như động tác nằm bắn không tì. Chỉ khác, khi giương súng có thể đặt phần dưới ốp lót tay hoặc đặt mu bàn tay trái lên vật tì để cho chắc chắn. Khi để súng lên vật tì, miệng nòng súng phải cao hơn vật tì và nhô ra phía trước ít nhất 5 cm (Hình 6.16).



Hình 6.16. Động tác nằm bắn có tì

Tại sao khi giương súng phải thực hiện tốt các yếu tố bằng, chắc, đều, bền? Hãy nêu nội dung bằng, chắc, đều, bền.

III. TẬP BẮN MỤC TIÊU CỐ ĐỊNH BAN NGÀY BẰNG SÚNG TIỂU LIÊN AK

1. Tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm vào bia đồng tiền

a) Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

– Ý nghĩa

+ Ngắm chụm; ngắm trúng, chụm giúp người bắn bước đầu làm quen với các thao tác ngắm bắn, biết vận dụng những kiến thức lí thuyết, quy tắc bắn vào một bài tập cụ thể, trong điều kiện mục tiêu nhỏ, cự li gần.

+ Việc rèn luyện kĩ năng ngắm chụm; ngắm trúng, chụm sẽ giúp người bắn phân biệt được ngắm đúng, ngắm sai; từng bước nâng cao trình độ ngắm nhanh, chính xác; làm cơ sở cho luyện tập các bài bắn đạt kết quả tốt.

– Đặc điểm

+ Mục tiêu bố trí ở cự li gần (cách người tập 10 m), tròn và nhỏ (đường kính 2 cm) làm cho người tập khó xác định được đường ngắm đúng.

+ Người tập lần đầu tiên làm quen với ngắm bắn nên không tránh khỏi những khó khăn, lúng túng.

+ Khi luyện tập phải chính xác, tỉ mỉ nên người tập dễ căng thẳng, mệt mỏi.

– Yêu cầu

+ Thực hiện yếu lĩnh, động tác ngắm một cách chính xác.

+ Các lần ngắm phải có tính thống nhất cao.

+ Khi ngắm phải thận trọng, tỉ mỉ, nhẹ nhàng, khéo léo; phấn đấu đạt kết quả khá, giỏi.

Tại sao khi luyện tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm, yêu cầu các lần ngắm phải có tính thống nhất cao?

b) Cách thực hành tập ngắm

– Tập ngắm chụm

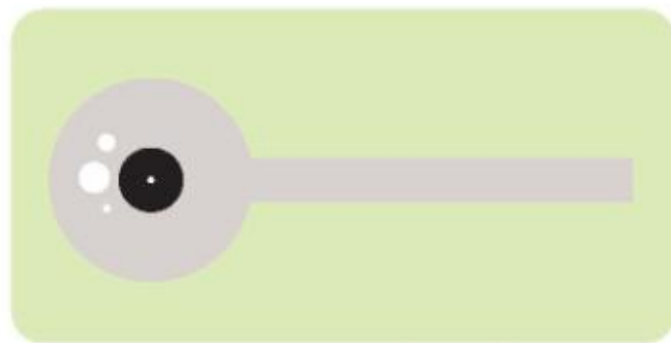
+ Công tác chuẩn bị:

Bảng ngắm có kích thước 20 cm × 30 cm; cọc gỗ có kích thước 4 cm × 4 cm, chiều dài toàn bộ của cọc là 55 cm, dán hoặc kẹp một tờ giấy trắng có kích thước 20 cm × 30 cm lên mặt trước bảng ngắm (Hình 6.17).



Hình 6.17. Bảng ngắm

Bia đồng tiền có đường kính 5 cm, đường kính vòng tròn đen 2 cm, tâm có lỗ nhỏ để người phục vụ đánh dấu các lần tập ngắm của người tập. Trên bia đồng tiền có 3 lỗ để đo độ chụm, đường kính là 2 mm, 5 mm, 10 mm (Hình 6.18); tương ứng với kết quả giỏi, khá và đạt khi kiểm tra tập ngắm chụm. Ngoài ra cần chuẩn bị bút chì, kẹp, thước mm, bệ ngắm, bao cát, súng tiểu liên AK.



Hình 6.18. Bia đồng tiền

+ Cách thực hành ngắm chụm:

Một nhóm luyện tập bao gồm: trưởng nhóm, người phục vụ và những người tập (Hình 6.19a). Nhiệm vụ của từng người như sau:

Người phục vụ: Cắm bảng ngắm cách bệ bắn 10 m chắc chắn, sau đó ngồi sang bên phải hoặc bên trái bảng ngắm. Một tay cầm bia đồng tiền, đặt sát mặt bảng ngắm và giữ cố định để người tập lấy đường ngắm. Tay còn lại cầm bút chì để đánh dấu kết quả của người tập (Hình 6.19b).

Người tập: Thực hiện động tác nằm bắn, tháo hộp tiếp đạn đặt sang bên phải. Súng đặt chắc chắn trên bệ bắn có bao cát. Một tay chống cằm, một tay điều chỉnh súng lấy đường ngắm đúng vào mép dưới vòng tròn đen trên bia đồng tiền. Khi lấy xong đường ngắm đúng thì hô "Được" và giữ nguyên đường ngắm (Hình 6.19c, d).

Chú ý: Khi đã lấy được đường ngắm, người tập không được chạm vào súng. Các lần tập tiếp theo, người tập dùng khẩu lệnh hoặc kí hiệu để điều khiển người phục vụ dịch chuyển bia đồng tiền theo ý mình.

Người phục vụ: Dùng bút chì chấm qua lỗ ở tâm bia đồng tiền lần thứ nhất. Sau đó, di chuyển bia đồng tiền lên, xuống hoặc sang phải, sang trái từ 2 cm đến 4 cm.

Người tập: Tập ngắm lần thứ hai, tương tự như lần thứ nhất. Chỉ khác, ở lần tập thứ hai, người tập lấy đường ngắm cơ bản, rồi điều khiển người phục vụ di chuyển bia đồng tiền bằng khẩu lệnh "Sang trái, sang phải, lên, xuống" hoặc kí hiệu bằng tay. Khi thấy mép dưới vòng tròn đen trên bia đồng tiền dịch vào thành đường ngắm đúng thì hô "Được" (Hình 6.19d).



Hình 6.19. Tập ngắm chụm

Người phục vụ: Tiếp tục dùng bút chì để đánh dấu lần ngắm thứ hai của người tập. Cứ như vậy, người phục vụ phối hợp với người tập tập ngắm lần thứ ba.

Khi đã ngắm được 3 lần, người tập đứng dậy.

Người phục vụ: Dùng 3 lỗ ở bia đồng tiền để kiểm tra độ chụm, đánh giá kết quả và thông báo cho người tập.

+ Cách kiểm tra độ chụm như sau:

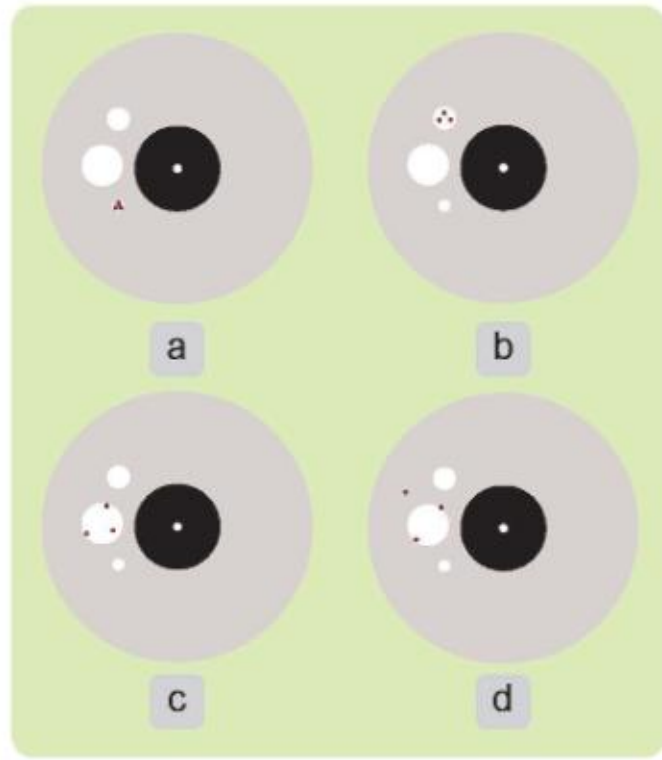
Giỏi: 3 điểm dấu nằm trong vòng tròn có đường kính 2 mm (Hình 6.20a).

Khá: 3 điểm dấu nằm trong vòng tròn có đường kính 5 mm (Hình 6.20b).

Đạt: 3 điểm dấu nằm trong vòng tròn có đường kính 10 mm (Hình 6.20c).

Không đạt: 3 điểm dấu không nằm trong vòng tròn nào (Hình 6.20d).

Người thứ nhất tập xong, trưởng nhóm gọi người tiếp theo vào tập. Như vậy, các thành viên trong nhóm luân phiên đổi vị trí.



Hình 6.20. Cách kiểm tra độ chụm

Khi tập ngắm chụm, sau khi lấy xong đường ngắm, người tập có được chạm vào súng không? Vì sao?

– Tập ngắm trúng, chụm

+ Công tác chuẩn bị: Như tập ngắm chụm.

+ Cách thực hành ngắm trúng, chụm.

Trước khi người tập thực hành tập ngắm, giáo viên lấy đường ngắm đúng vào mép dưới vòng tròn đen trên bia đồng tiền. Khi lấy xong đường ngắm thì hô "Được", giữ nguyên đường ngắm và đứng dậy.



Hình 6.21. Tập ngắm trúng, chụm

Người phục vụ: Chấm bút chì qua tâm bia đồng tiền, kẻ một đường dọc và một đường ngang vuông góc với nhau qua điểm chấm đó. Giao điểm của đường ngang và đường dọc gọi là điểm kiểm tra (điểm K) (Hình 6.21a, b). Sau đó, dịch chuyển bia đồng tiền như khi ngắm chụm.

Người tập: Vào ngắm, không chạm vào súng, điều khiển người phục vụ dịch chuyển bia đồng tiền vào thành đường ngắm đúng, khi lấy xong đường ngắm thì hô "Được".

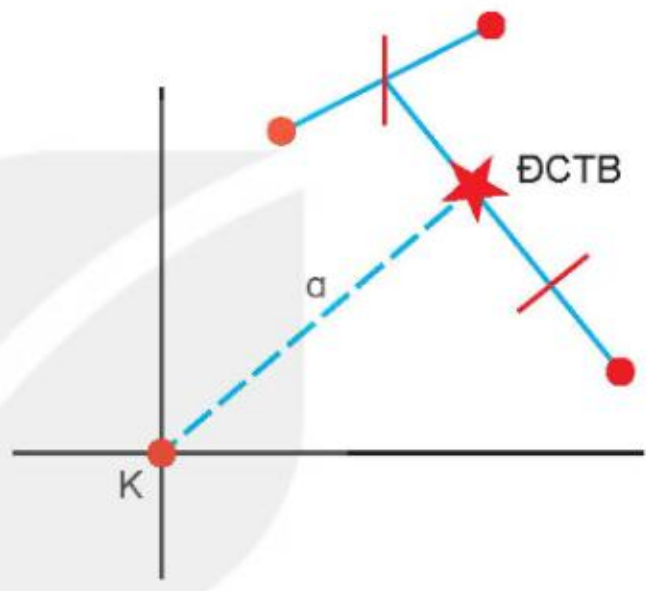
Chú ý: Các lần lấy đường ngắm, người tập không được chạm vào súng, chỉ dùng khẩu lệnh hoặc kí hiệu để điều khiển người phục vụ như khi tập ngắm chụm. Đường ngắm đúng ban đầu của giáo viên được giữ nguyên cho tất cả học sinh tiếp theo luyện tập.

Người phục vụ: Chấm qua tâm bia đồng tiền, đánh dấu lần 1.

Cứ như vậy, người tập ngắm được ba lần thì người phục vụ kiểm tra kết quả ngắm chụm, ngắm trúng, kết quả chung của hai nội dung và thông báo cho người tập.

Cách kiểm tra độ chụm: Như khi ngắm chụm.

Cách kiểm tra độ trúng: Trước khi kiểm tra độ trúng phải xác định điểm chạm trung bình (ĐCTB). Cách xác định ĐCTB như sau: Người phục vụ dùng thước nối hai điểm gần nhất với nhau, rồi chia đoạn thẳng ra thành hai phần bằng nhau. Tiếp tục nối điểm giữa của hai điểm trên (ĐCTB của hai điểm chạm) với điểm thứ ba, chia đoạn thẳng vừa nối thành ba phần bằng nhau. Điểm 1/3 gần với ĐCTB của hai điểm chạm trước là ĐCTB của ba điểm chạm. Đo khoảng cách từ ĐCTB của ba điểm chạm đến điểm K (kí hiệu là a), để đánh giá kết quả ngắm trúng (Hình 6.22).



Hình 6.22. Cách kiểm tra độ trúng

Giỏi: $a \leq 5$ mm; Khá: 5 mm $< a \leq 10$ mm; Đạt: 10 mm $< a \leq 15$ mm; Không đạt: $a > 15$ mm.

Cách đánh giá kết quả chung của hai nội dung ngắm chụm và ngắm trúng: Được lấy theo kết quả của nội dung có thành tích bắn thấp hơn.

Ví dụ: Học sinh Nguyễn Văn A: ngắm chụm đạt khá; ngắm trúng đạt giỏi. Kết quả chung đạt khá.

Em hãy nêu cách xác định ĐCTB của ba điểm chạm.

2. Tập bắn vào mục tiêu bia số 4

a) Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

– Ý nghĩa: Bắn mục tiêu cố định ban ngày nhằm rèn luyện cho người học kĩ năng thực hành bắn trúng, chụm vào mục tiêu cố định ban ngày, có vòng tính điểm trong một khoảng thời gian nhất định. Đồng thời, rèn luyện cho người học bản lĩnh tâm lí, ý chí vững vàng. Tập bắn tốt bài bắn này là cơ sở, tiền đề xây dựng, củng cố niềm tin cho người học tiếp tục học tập các nội dung tiếp theo.

– Đặc điểm

+ Đặc điểm bài bắn: Bắn vào mục tiêu có vòng tính điểm đòi hỏi độ chính xác cao và sự thuần thục của người bắn trong thực hiện yếu lĩnh, động tác.

+ Đặc điểm mục tiêu: Mục tiêu được bố trí ở cự li gần, to, rõ nên dễ quan sát. Tuy nhiên, mặt bia màu đen và có vòng tính điểm nên khó xác định chính xác được điểm ngắm đúng.

+ Đặc điểm người bắn: Lần đầu tiên tiếp xúc với súng, đạn nên thường có tâm lí sợ tiếng nổ, lo lắng đến thành tích.

– Yêu cầu

+ Nắm chắc điều kiện bài bắn; cách chọn thước ngắm, điểm ngắm và cách thực hành bắn.

+ Tích cực, tự giác luyện tập; rèn toàn diện, chú trọng rèn kĩ thuật động tác bắn.

+ Rèn luyện bản lĩnh, tâm lí vững vàng; phấn đấu đạt kết quả cao khi kiểm tra.

Tại sao khi luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK phải rèn luyện cho người bắn bản lĩnh, tâm lí vững vàng?

b) Điều kiện bài bắn

– Mục tiêu: Bia số 4 màu đen, tượng trưng cho tên địch nằm bắn hoặc đứng bắn trong công sự.

Bia số 4 có chiều rộng 42 cm, chiều cao 42 cm. Mặt bia có các vòng tròn tính điểm từ 1 đến 5, được dán trên khung bia nền trắng có kích thước 75 cm × 75 cm.

– Cự li bắn: 100 m.

– Tư thế bắn: Nằm bắn có tì.

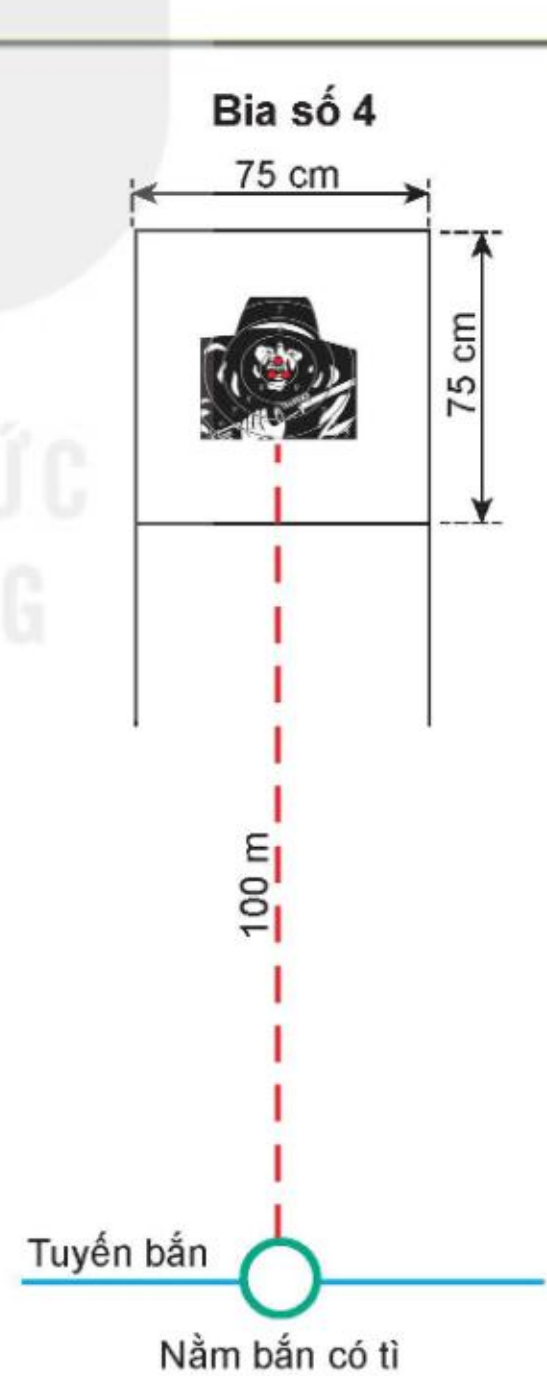
– Số lượng đạn: 3 viên.

– Phương pháp bắn: Phát một.

– Thời gian bắn: 5 phút (Tính từ khi kết thúc khẩu lệnh "Bắn").

– Thành tích: Giỏi: Từ 25 đến 30 điểm; Khá: Từ 20 đến 24 điểm; Đạt: Từ 15 đến 19 điểm; Không đạt: Dưới 15 điểm.

Em hãy nêu điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.



Hình 6.23. Sơ đồ điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

c) Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

– Căn cứ: Điểm định bắn trúng trên mục tiêu; cự li bắn; độ cao đường đạn trung bình so với đường ngắm ở từng cự li bắn; đặc điểm, tính chất mục tiêu; ảnh hưởng của điều kiện thời tiết.

– Cách chọn

+ Chọn thước ngắm

Cách 1: Chọn thước ngắm tương ứng cự li bắn (Thước ngắm 1).

Cách 2: Chọn thước ngắm lớn hơn cự li bắn (Thước ngắm 2 hoặc 3, từ thước ngắm 4 trở lên ít vận dụng).

+ Chọn điểm ngắm:

Khi chọn điểm ngắm phải căn cứ vào thước ngắm đã chọn, cụ thể như sau:

Đối với thước ngắm 1: Chiều cao đường đạn ở cự li 100 m là 0 cm. Vì vậy, chọn điểm ngắm là tâm vòng 10 (ở giữa mặt tên địch).

Đối với thước ngắm 2: Chiều cao đường đạn ở cự li 100 m là 12 cm. Vì vậy, chọn điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 12 cm (ở mu bàn tay tên địch).

Đối với thước ngắm 3: Chiều cao đường đạn ở cự li 100 m là 28 cm. Vì vậy, chọn điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 28 cm (thấp hơn điểm chính giữa mép dưới mục tiêu 7 cm).

Chú ý: Để thuận lợi cho việc ngắm bắn, khi tập bắn vào bia số 4, người bắn thường sử dụng thước ngắm 3, chọn điểm ngắm ở chính giữa mép dưới mục tiêu.

Quá trình luyện tập, giáo viên thống nhất cho cả lớp cùng chọn một thước ngắm, điểm ngắm để thuận lợi cho duy trì luyện tập và sửa tập.

Em hãy cho biết, khi người bắn đã chọn thước ngắm 3 thì phải chọn điểm ngắm ở đâu để có thể bắn trúng vào mục tiêu. Vì sao?

d) Cách thực hành tập bắn

– Tại vị trí chờ đợi

Người bắn mang trang bị theo đúng quy định. Khi nghe gọi đến tên thì hô "Có"; nghe khẩu lệnh "Vào vị trí tập bắn" thì đáp "Rõ", rồi nhanh chóng lấy súng trên giá (hoặc nhận súng từ người tập trước), cơ động vào vị trí tập, cách bệ tì khoảng 1,5 m.

– Tại vị trí tập bắn

+ Khi nghe khẩu lệnh "Nằm chuẩn bị bắn", người bắn làm động tác nằm chuẩn bị bắn.

+ Khi nghe khẩu lệnh "Bắn", người bắn mở khoá an toàn, thực hành bắn 3 viên đạn (mỗi lần bắn 1 viên) vào bia số 4.

+ Khi nghe khẩu lệnh "Thôi bắn, khám súng, đứng dậy", người bắn làm động tác khám súng, sau đó xách súng đứng dậy.

+ Khi có khẩu lệnh "Đằng sau, quay", người bắn làm động tác quay đằng sau.
+ Khi nghe khẩu lệnh "Về vị trí chờ đợi, chạy thường, chạy", người bắn xách súng cơ động về vị trí chờ đợi, đặt súng lên giá hoặc trao súng cho người tập sau theo lệnh của người phụ trách.

LUYỆN TẬP

Điểm tập 1.

– Nội dung: Động tác bắn tại chỗ bằng súng tiểu liên AK.

– Phương pháp:

+ Luyện tập cá nhân: Từng học sinh tự nghiên cứu và thực hiện động tác nằm bắn, tập trung vào động tác nằm bắn có tì. Thực hiện theo các bước:

Bước 1. Tập phân đoạn: Học sinh từ tập chậm đến nhanh dần các cử động, động tác chuẩn bị tư thế, động tác lắp đạn, động tác bắn, động tác thôi bắn, động tác đứng dậy.

Bước 2. Tập tổng hợp: Học sinh tập liên kết các cử động, động tác với nhau; từ tập chậm đến nhanh dần, tiến tới thuần thục động tác.

+ Luyện tập nhóm: Học sinh luân phiên nhau ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập. Trong nhóm có học sinh thực hiện động tác, những học sinh còn lại quan sát, đóng góp ý kiến.

Điểm tập 2.

– Nội dung: Tập ngắm chụm; ngắm trúng, chụm.

– Phương pháp: Luyện tập nhóm. Học sinh luân phiên nhau ở cương vị trưởng nhóm, chỉ huy nhóm luyện tập. Trong nhóm có người tập, người phục vụ.

Điểm tập 3.

– Nội dung: Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

– Phương pháp:

Luyện tập theo đội hình lớp, giáo viên chỉ huy. Thực hiện theo các bước:

+ *Bước 1.* Tập phân đoạn: Mục tiêu bia số 4 có dán điểm dấu cho học sinh dễ xác định điểm ngắm đúng.
+ *Bước 2.* Tập tổng hợp: Mục tiêu bia số 4 được bỏ điểm dấu.

VẬN DỤNG

Việc luyện tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK đã giúp em rèn luyện được những phẩm chất, năng lực gì? Hãy làm rõ những nội dung đó.

Bài

7 TÌM VÀ GIỮ PHƯƠNG HƯỚNG

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được kĩ thuật, phương pháp tìm và giữ phương hướng trong hoạt động cá nhân;
* Biết tìm và giữ phương hướng của cá nhân trong các điều kiện khác nhau.

MỞ ĐẦU

Trong một lần đi dã ngoại cùng bạn bè, do mải mê ngắm cảnh, Hà đã lạc các bạn trong đoàn từ lâu mà không biết. Lúc này, trời cũng sắp tối.

Theo em, Hà nên làm gì trong trường hợp này?



Hình 7.1

KHÁM PHÁ

I. TÌM PHƯƠNG HƯỚNG

1. Ý nghĩa

Tìm phương hướng giúp con người xác định được hướng cần đi trong những điều kiện khác nhau.

Trong hoạt động quân sự, tìm phương hướng có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp người chiến sĩ xác định được vị trí chiến đấu, địa hình tác chiến, hướng địch, đường cơ động, điểm đến khi nhận và thực hành nhiệm vụ chiến đấu.

2. Kĩ thuật tìm phương hướng

a) Sử dụng địa bàn, bản đồ

– Sử dụng địa bàn

Trước khi sử dụng phải kiểm tra độ nhạy của kim nam châm bằng cách: lấy một miếng sắt nhỏ đặt lên đầu bắc kim nam châm trên mặt kính địa bàn, khi di chuyển miếng sắt trên mặt kính địa bàn thì thấy kim nam châm dịch chuyển theo, khi bỏ miếng sắt ra thì kim nam châm trở về vị trí ban đầu, như vậy độ nhạy của kim nam châm tốt. Xoay mặt số địa bàn sao cho số "0" trên mặt số về đúng vạch chuẩn bắc trên vỏ địa bàn (Hình 7.2).



Hình 7.2

Đặt địa bàn lên vị trí bằng phẳng. Từ từ xoay địa bàn sao cho đầu bắc kim nam châm chỉ vào đúng số "0" trên mặt số địa bàn hoặc đúng vạch chuẩn trên địa bàn thì dừng lại. Hướng ngắm từ khe ngắm qua đầu ngắm ra ngoài thực địa là hướng bắc (với loại địa bàn có cấu tạo bộ phận đầu ngắm, khe ngắm). Khi biết được hướng bắc sẽ tìm được các hướng khác (Hình 7.3).



Hình 7.3

– Sử dụng bản đồ

Để xác định phương hướng ngoài thực địa dựa vào bản đồ (khi không có địa bàn), chúng ta phải định hướng bản đồ (xoay bản đồ để hướng bắc của bản đồ trùng với hướng bắc trên thực địa) bằng cách dựa vào địa vật dài thẳng hoặc đường phương hướng giữa hai địa vật.

+ Định hướng bản đồ dựa vào địa vật dài thẳng

Chọn một địa vật dài thẳng (đoạn thẳng) ngoài thực địa dễ quan sát và được thể hiện bằng kí hiệu trên bản đồ như: đoạn đường, bờ sông, suối, mương, đường dây điện, đường ống nước, cạnh tường bao,...

Từ từ xoay bản đồ kết hợp mắt quan sát hướng của địa vật dài thẳng (đoạn thẳng) trên bản đồ sao cho trùng (khi ta đứng trên địa vật) hoặc song song (khi ta đứng ngoài địa vật) với hướng của địa vật dài thẳng đó ngoài thực địa (Hình 7.4).



Hình 7.4. Định hướng bản đồ dựa vào địa vật dài thẳng

+ Định hướng bản đồ dựa vào đường phương hướng giữa hai địa vật

Chọn hai địa vật ở cự li gần dễ quan sát ngoài thực địa và có kí hiệu trên bản đồ như: nhà độc lập, cây độc lập, điểm cao,... Nối hai địa vật đã chọn trên thực địa bằng đường thẳng tưởng tượng (gọi là đường phương hướng giữa hai địa vật).

Đặt cạnh thước (hoặc que thẳng) qua vị trí chính xác của hai địa vật đã chọn trên bản đồ.

Từ từ xoay bản đồ, kết hợp mắt quan sát khi thấy cạnh thước (hoặc que thẳng) sao cho trùng (khi ta đứng trên đường phương hướng) hoặc song song (khi ta đứng ngoài đường phương hướng) với đường phương hướng giữa hai địa vật ngoài thực địa thì dừng lại (Hình 7.5).

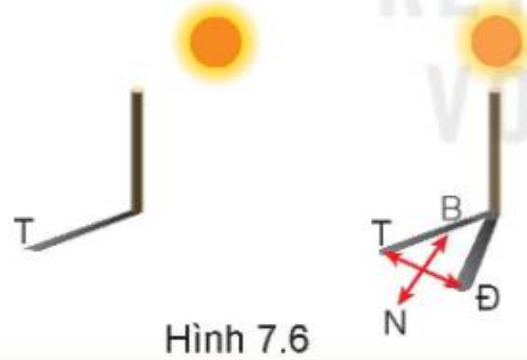
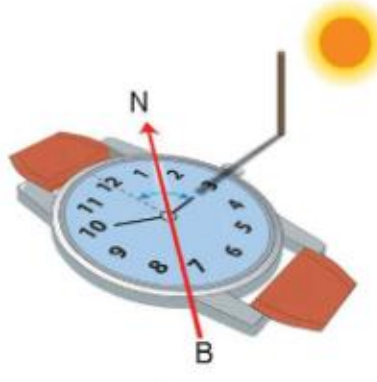
Chú ý: Khi định hướng bản đồ phải cố định thước với bản đồ trong quá trình xoay. Đối chiếu bản đồ với thực địa, nếu các kí hiệu trên bản đồ không tương ứng về hướng với địa vật, dáng đất so với ngoài thực địa thì bản đồ bị ngược hướng. Khi đó, ta phải xoay bản đồ 180° để hướng của bản đồ trùng với hướng thực địa.



Hình 7.5. Định hướng bản đồ dựa vào đường phương hướng giữa hai địa vật

b) Dựa vào Mặt Trời

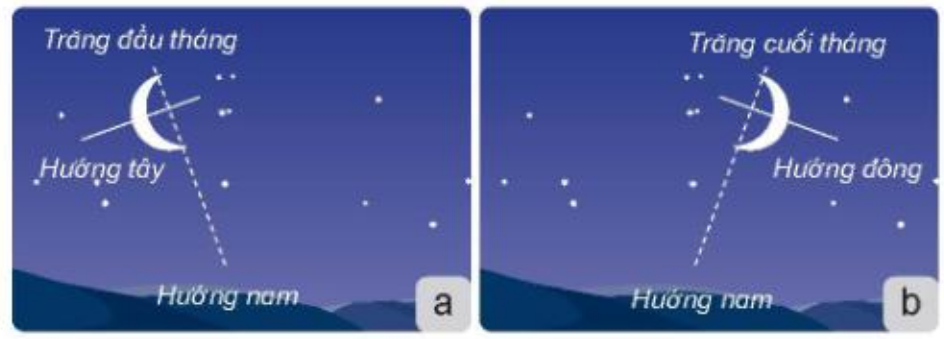
Hằng ngày, có thể xác định phương hướng dựa vào vị trí của Mặt Trời ở các thời điểm như sau: Khoảng 6 giờ, Mặt Trời ở hướng đông (Mặt Trời mọc); khoảng 12 giờ, Mặt Trời trên đỉnh đầu và hơi chếch về hướng nam; khoảng 18 giờ Mặt Trời ở hướng tây (Mặt Trời lặn). Ngoài thời gian trên, có thể xác định phương hướng dựa vào Mặt Trời như sau:

XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG DỰA VÀO MẶT TRỜI	
Phương pháp	**Cách thực hiện**
Dựa vào Mặt Trời và gậy  Hình 7.6	Cắm một cây gậy thẳng, vuông góc xuống mặt đất, đỉnh bóng ban đầu của gậy đánh dấu là T. Đợi khoảng 15 phút sau, bóng gậy sẽ khác đi. Đỉnh bóng của gậy lúc này sẽ đặt là Đ. Nối T với Đ được đoạn thẳng TĐ. Bên T là hướng tây, bên Đ là hướng đông.
Dựa vào Mặt Trời và đồng hồ đeo tay  Hình 7.7	Dùng một que nhỏ cắm vuông góc với mặt đất, que sẽ cho một cái bóng. Đặt đồng hồ sao cho bóng của que trùng lên kim chỉ giờ. Đường phân giác của góc hợp bởi kim chỉ giờ và số 12 sẽ cho hướng nam (N), như vậy hướng đối diện là hướng bắc (B).

Quan sát hình 7.6, 7.7 và thực hành xác định phương hướng dựa vào Mặt Trời.

c) Dựa vào Mặt Trăng

Vào những ngày đầu tháng âm lịch, Mặt Trăng khuyết về hướng đông và những ngày cuối tháng âm lịch, Mặt Trăng khuyết về hướng tây (Hình 7.8).



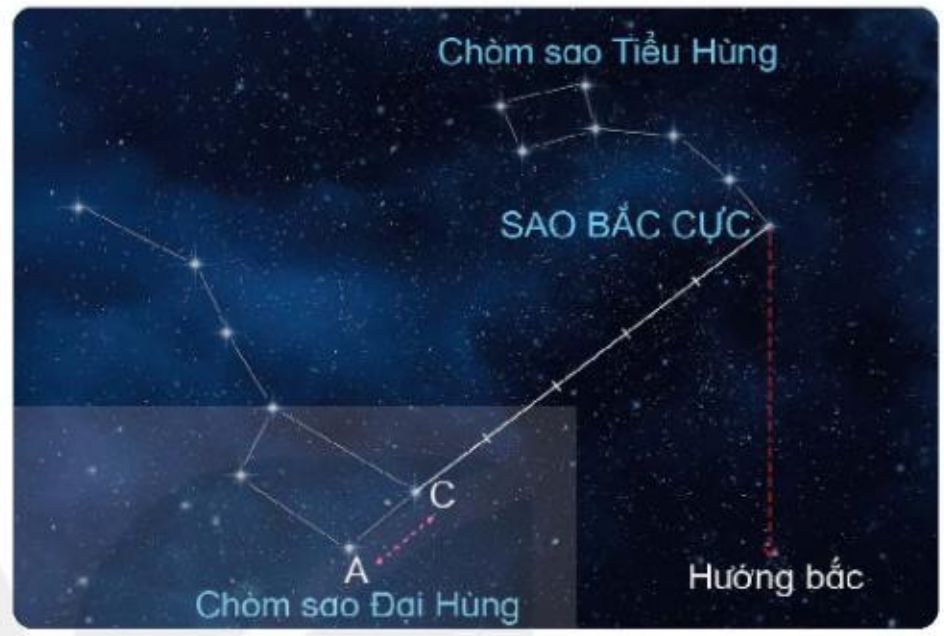
Hình 7.8. Xác định phương hướng dựa vào Mặt Trăng

d) Dựa vào sao

– Dựa vào sao Bắc Cực (Hình 7.9)

Sao Bắc Cực nằm ở gần chính hướng bắc, có vị trí tương đối ổn định, sáng và rõ. Lấy sao Bắc Cực làm chuẩn, kéo một đường thẳng xuống đường chân trời là hướng bắc.

Muốn tìm sao Bắc Cực, trước tiên cần phải tìm chòm sao Đại Hùng (gấu lớn) và chòm sao Tiểu Hùng (gấu nhỏ).



Hình 7.9. Xác định phương hướng dựa vào sao Bắc Cực

Chòm sao Đại Hùng giống như một cái muôi to có cán, gồm 7 ngôi sao sáng (hai ngôi dưới cùng gọi là sao A và sao C). Kẻ một đường thẳng tưởng tượng qua 2 ngôi sao A và C, khoảng cách gấp 5 lần AC sang phải là sao Bắc Cực.

Chòm sao Tiểu Hùng gồm có 7 ngôi sao, trong đó sao Bắc Cực ở phía dưới cùng (đây là ngôi sao to và rõ nhất trong chòm sao Tiểu Hùng).

– Dựa vào sao Kim

Sao Kim là một hành tinh gần Trái Đất, đạt độ sáng lớn nhất vào thời điểm hoàng hôn hoặc bình minh. Khi hoàng hôn, thường thấy sao Kim ở hướng tây (sao Hôm), lúc bình minh thường thấy sao Kim ở hướng đông (sao Mai).

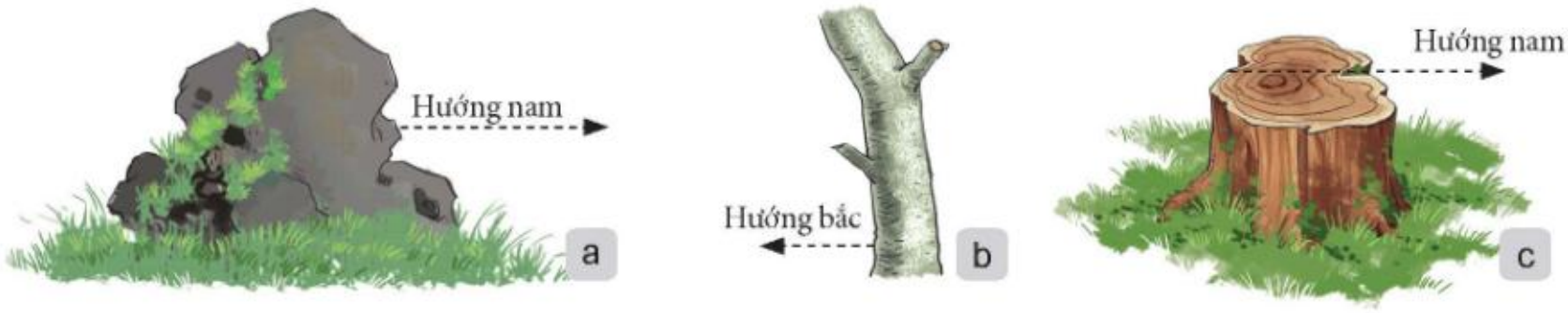
Dựa vào hình 7.9, em hãy sử dụng những viên sỏi để xếp hình (hoặc vẽ ra giấy) chòm sao Đại Hùng và Tiểu Hùng.

e) Dựa vào các yếu tố khác

– Dựa vào đặc điểm của một số thực vật

Dựa vào mật độ rêu mọc: Ở các tảng đá độc lập (Hình 7.10a) và các công trình xây dựng lâu năm, rêu thường mọc ở hướng bắc nhiều hơn các hướng khác.

Dựa vào sự phát triển của cây độc lập: Ở cây độc lập, tán lá ở hướng nam thường xanh tốt và phát triển nhanh hơn các hướng khác. Vỏ cây ở hướng bắc thường xù xì và nhiều rêu hơn các hướng khác (Hình 7.10b). Ở những gốc cây bị cưa, vòng tròn lõi cây (vòng tuổi của cây) ở hướng nam rộng hơn hướng bắc (Hình 7.10c).



Hình 7.10. Xác định phương hướng dựa vào đặc điểm thực vật

Măng tre, mầm chuối thường mọc ở hướng đông nhiều và to hơn các hướng khác (Hình 7.11). Hoa hướng dương thường quay về hướng đông.



Hình 7.11. Xác định phương hướng dựa vào măng tre và mầm chuối

– Dựa vào tập tính của một số động vật

Một số loài chim thường bay cao và thành từng đàn về hướng nam vào mùa đông, về hướng bắc vào mùa hè. Một số loài chim, kiến thường xây tổ có cửa quay về hướng nam, phần thành dày của tổ quay về hướng bắc.

– Dựa vào dòng chảy của một số sông lớn ở Việt Nam

Các sông lớn ở khu vực miền Bắc thường bắt nguồn từ hướng tây bắc, chảy về hướng đông nam ra biển. Ở miền Trung, các sông lớn thường bắt nguồn từ hướng tây, chảy về hướng đông ra biển, còn ở khu vực miền Nam, các sông lớn thường bắt nguồn từ hướng tây bắc chảy về hướng đông nam ra biển.

Tuy nhiên, một số sông không chảy theo quy luật trên, như ở miền Bắc có sông Kì Cùng, Bằng Giang chảy theo hướng đông nam – tây bắc; ở vùng Tây Nguyên có sông Sêrêpôk chảy ngược hướng tây sang Campuchia.

Em hãy nêu một số cách xác định phương hướng dựa vào đặc điểm thực vật và tập tính của động vật.

Chú ý: Ngoài phương pháp tìm phương hướng dựa vào địa bàn, các phương pháp khác chỉ mang tính chất tương đối. Do vậy, cần phải kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp tìm phương hướng khác nhau.

II. GIỮ PHƯƠNG HƯỚNG

1. Ý nghĩa

Trong cuộc sống, giữ phương hướng giúp con người giữ được hướng di chuyển và đến đúng vị trí cần đến trong những điều kiện khác nhau như: trong rừng, trên biển, khu vực xa lạ,...

Trong hoạt động quân sự, giữ phương hướng giúp người chiến sĩ vận động đúng hướng, đến đúng thời gian, địa điểm và bảo đảm an toàn; làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ chiến đấu được nhanh chóng, kịp thời.

2. Cách giữ phương hướng

a) Trước khi di chuyển

Trước khi di chuyển cần phải nắm chắc điểm định đến, cự li, đường và hướng đi từng chặng (nếu phải đi nhiều chặng); đặc điểm, vật chuẩn trên đường đi.

Chuẩn bị đầy đủ, tỉ mỉ mọi thứ cần thiết (địa bàn, bản đồ,...) để xác định và giữ phương hướng được thuận lợi.

b) Quá trình di chuyển

Thường xuyên xác định và nắm chắc phương hướng, địa hình, vật chuẩn, những nơi phát ra ánh sáng, tiếng động để xác định đường, hướng di chuyển chính xác.

Dựa vào các vật chuẩn dễ nhìn thấy (đỉnh núi, cây độc lập,...) và hướng chuẩn để đi đúng hướng; ghi nhớ hoặc đánh dấu những vị trí, hướng đã đi qua, nhất là ở những nơi dễ bị lạc.

Nếu có nhiều người cùng đi, cần phải bám sát người đi trước hoặc theo dõi đường đi, dấu vết, vật đánh dấu chỉ đường của người đi trước để đi theo.

Nếu ở trong rừng, hãy xác định một đường thẳng tưởng tượng xuyên qua một số vật chuẩn dễ nhận thấy (gốc cây, tảng đá,...) để đi tới từng điểm chuẩn. Trường hợp sương mù, ban đêm không nhìn thấy vật chuẩn cần dùng địa bàn (nếu có) để xác định hướng đi từng chặng nhỏ; cúi thấp người để dễ quan sát các vật chuẩn.

Khi gặp vật cản (ao, hồ, đầm lầy, khu công nghiệp,...) cần căn cứ vào tình hình để vòng vượt hoặc rẽ góc vuông, rẽ theo hình tam giác cân kết hợp tính cự li (đếm bước chân,...) để vượt qua vật cản.

c) Cách xử lí khi bị lạc hướng

Bình tĩnh và xác định lại chính xác vị trí bắt đầu lạc hướng, nhớ lại đặc điểm địa hình, địa vật nơi đã đi qua.

Có thể quay lại vị trí bắt đầu bị lạc rồi xác định lại hướng đi hoặc xác định hướng đi tại điểm bị lạc để đi tắt đến đường cũ hay đi thẳng đến nơi cần đến.

Nếu lạc ở trong rừng, cần xác định phương hướng bằng Mặt Trời, hướng gió, sự phát triển của cây độc lập,... và có thể đi theo đường mòn, dòng suối,... để ra

khỏi khu vực bị lạc. Ban đêm có thể dựa vào Mặt Trăng và sao hoặc nơi phát ra ánh sáng, tiếng động để xác định phương hướng.

Làm thế nào để giữ phương hướng trong quá trình di chuyển? Em cần làm gì khi bị lạc hướng?

Em có biết?

Phương pháp rẽ góc vuông: Nếu rẽ góc vuông sang phải so với hướng vận động, lấy góc đang vận động cộng với 90°. Nếu rẽ góc vuông sang trái so với hướng đang vận động, lấy góc đang vận động trừ đi 90° (khi góc đang vận động lớn hơn 90°), cộng thêm 270° (khi góc đang vận động nhỏ hơn 90°). Trường hợp góc mới có kết quả lớn hơn 360°, lấy kết quả tính được trừ đi 360°.

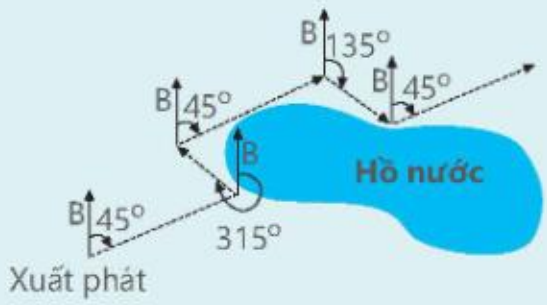
Ví dụ: Vận động qua hồ nước (Hình 7.12)

Góc ban đầu 45° rẽ trái + 270° = 315°;

Góc thứ hai 315° rẽ phải + 90° = 405°. Lấy 405° – 360° = 45°;

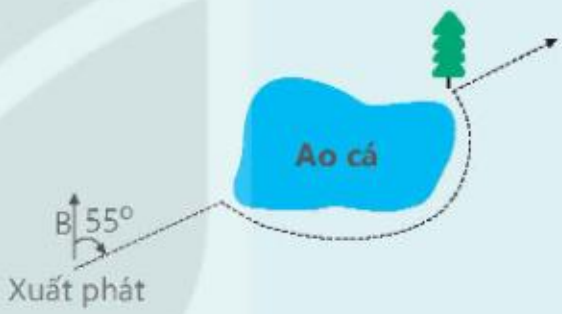
Góc thứ ba 45° rẽ phải + 90° = 135°;

Góc thứ tư 135° rẽ trái – 90° = 45°.



Hình 7.12. Vượt qua vật cản bằng phương pháp rẽ góc vuông

Phương pháp vòng vượt: Khi vận động gặp vật cản, hãy cố gắng tìm một vật chuẩn (cây độc lập, hòn đá, cột điện,...) ở phía trước vật cản trên hướng vận động. Sau đó tìm đường vòng vượt qua vật cản đến đúng vị trí vật chuẩn đó và tiếp tục lấy hướng vận động theo hướng cũ để đi tiếp (Hình 7.13).



Hình 7.13. Vượt qua vật cản bằng phương pháp vòng vượt

LUYỆN TẬP

1. Có những cách xác định phương hướng nào dựa vào Mặt Trời? Em hãy hướng dẫn mọi người thực hiện một trong những cách xác định phương hướng dựa vào Mặt Trời đó.
2. Buổi tối (khi có sao), em hãy quan sát lên bầu trời và xác định sao Bắc Cực.
3. Em hãy thực hành xác định phương hướng dựa vào các yếu tố tự nhiên (đặc điểm thực vật, tập tính của một số động vật,...) có ở xung quanh mình.

VẬN DỤNG

Em hãy xác định phương hướng từng chặng và các vật chuẩn trên quãng đường từ nhà đến trường.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài

8 VẬN DỤNG CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN KHI VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được ý nghĩa, yêu cầu, các nguyên tắc vận động vào gần địch trên một số loại địa hình làm cơ sở học kĩ thuật, chiến thuật cá nhân và vận dụng trong chiến đấu;
* Biết vận dụng được các nội dung đã học để vận dụng trong các tình huống địa hình khác nhau, nhằm tiêu diệt địch, hoàn thành nhiệm vụ.

MỞ ĐẦU

Theo em, trong chiến đấu khi gặp các vật che khuất, che đỡ tương tự như trong hình 8.1, chiến sĩ có thể sử dụng những động tác nào để vận động tiếp cận gần địch?



Vật che khuất cao ngang tầm ngực — Vật che đỡ cao ngang tầm người ngồi

Hình 8.1

KHÁM PHÁ

I. Ý NGHĨA, YÊU CẦU, THỜI CƠ VẬN ĐỘNG

1. Ý nghĩa

Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản phù hợp với điều kiện địch, địa hình trong chiến đấu có vị trí hết sức quan trọng, giúp người chiến sĩ bí mật tiếp cận mục tiêu, bất ngờ sử dụng vũ khí tiêu diệt địch, bảo vệ mình, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

– Có quyết tâm chiến đấu cao.

– Nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật.

– Nắm chắc tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu; vận dụng linh hoạt, xử trí các tình huống chính xác, kịp thời.

– Hiệp đồng chặt chẽ với đồng đội và cấp trên.

3. Thời cơ vận động

– Khi có nhiều tiếng động ồn ào, bom đạn nổ, màn khói, cát bụi dày đặc,...

– Khi địch không chú ý về hướng ta vận động.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Địa hình, địa vật kín đáo, thời tiết thuận lợi để ta vận động.

– Khi có lệnh của người chỉ huy.

Theo em, tại sao khi vận động trong chiến đấu, chiến sĩ phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật?

II. VẬN DỤNG TRONG MỘT SỐ TÌNH HUỐNG, ĐỊA HÌNH KHÁC NHAU

1. Vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch

Trước khi vận động: Phải nắm chắc tình hình địch, địa hình, địa vật để xác định đường vận động, thời cơ vận động.

Khi vận động: Căn cứ vào địa hình thực tế để sử dụng các động tác cho phù hợp như vọt tiến, chạy khom, bò, lê, trườn (Hình 8.2), lăn.



Hình 8.2. Động tác trườn

Nếu vật lợi dụng thấp, không che kín được hành động, chiến sĩ có thể nghi binh lừa địch như dừng lại một chỗ, cắm cành lá hoặc để các vật mà địch nghi ngờ có ta, rồi bí mật, nhanh chóng vận động sang địa hình, địa vật khác để ẩn nấp hoặc sử dụng súng tiêu diệt địch.

Khi vào tới nơi ẩn nấp: Nhanh chóng lợi dụng địa hình, địa vật và quan sát địch.

Nếu địa hình lợi dụng để bắn gặp khó khăn, phải dừng lại ở đó lâu, cần sửa chữa, làm công sự ẩn nấp và chiến đấu.

Khi sử dụng vũ khí tiêu diệt địch không nên ở lâu một vị trí, sau khi bắn 1 đến 2 loạt phải di chuyển sang vị trí ẩn nấp mới.

- *Trong trường hợp vật lợi dụng thấp, không che kín được hành động, người chiến sĩ phải làm gì?*
- *Em hãy thực hiện động tác vận động dưới hoả lực bắn thẳng của địch theo hướng dẫn của giáo viên.*

2. Vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch

Khi địch dùng hoả lực không quân, pháo binh, súng cối, súng phóng lựu khống chế đường vận động, chiến sĩ sử dụng động tác chạy, vọt tiến, để nhanh chóng vượt qua khu vực bắn phá của địch. Quá trình vận động triệt để lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như gốc cây, ụ đất, bờ tường, mương máng, khe rãnh để bảo đảm an toàn.

Khi ẩn nấp dùng tư thế thấp, áp sát người vào thành, vách của bờ tường (Hình 8.3), giao thông hào,... hoặc nằm sát xuống mương, máng, hào, rãnh về phía có hoả lực địch.



Hình 8.3. Tư thế áp sát người vào bờ đất

Khi muốn di chuyển sang vị trí khác thường tận dụng khoảng cách giữa 2 loạt đạn nổ hoặc lúc hoả lực chuyển làn để vận động.

Em hãy thực hiện động tác vận động dưới hoả lực không quân, pháo binh, súng cối của địch theo hướng dẫn của giáo viên.

3. Vận động bí mật đến gần địch trong một số địa hình

a) Vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp

Địa hình nhiều cây cối rậm rạp, tiện lợi dụng để giấu kín hành động khi vận động, tạm dừng nhưng cũng dễ bị rung động và phát ra tiếng động khi vượt qua hoặc lợi dụng để ẩn nấp.

Động tác vận dụng: Thường vận dụng động tác đi thường hoặc đi khom. Khi vận động qua địa hình này phải nhẹ nhàng, thận trọng để vượt qua.

b) Vận động qua địa hình trống trải hoặc không kín đáo

Địa hình trống trải hoặc không kín đáo là địa hình khi ta vận động qua, địch có thể nhìn thấy như bãi phẳng, mặt đường, đồi trọc, vườn cây thưa,...

Động tác vận dụng: Thường vận dụng động tác đi, chạy, vọt tiến (Hình 8.4), lê (Hình 8.5), bò. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, khi địch không chú ý, sương mù, màn khói bụi dày đặc che mắt địch, nhanh chóng vượt qua hoặc dùng thủ đoạn nghi binh, lừa địch chú ý nơi khác để nhanh chóng vượt qua.

Ban ngày, có thể dùng tư thế phù hợp, động tác khéo léo, thận trọng để vượt qua. Ban đêm, có thể nguỵ trang cả hình dạng, dùng tư thế thấp, thu nhỏ tiết diện cơ thể, tiến thẳng về hướng địch, người không nhấp nhô, qua lại.



Hình 8.4. Động tác vọt tiến



Hình 8.5. Động tác lê cao

Em hãy thực hiện động tác vận động qua địa hình nhiều cây cối rậm rạp, trống trải hoặc không kín đáo theo hướng dẫn của giáo viên.

c) Vận động qua địa hình dễ phát ra tiếng động

Khi vận động qua những nơi dễ phát ra tiếng động như: nhiều sỏi đá, gạch vụn, cành khô, lá mục, nơi có súc vật, côn trùng, hành động phải nhẹ nhàng, thận trọng, tìm chỗ đặt chân thật vững mới từ từ nhấc chân sau lên tiếp tục tiến, bảo đảm tư thế vững chắc không bị vấp ngã và phát ra tiếng động mạnh.

Em có biết?

Khi vận động qua địa hình có bùn hoặc nước: Chủ yếu dùng tư thế đi khom, quần xắn cao quá gối, giày dép buộc chặt hoặc tháo ra buộc ở thắt lưng. Bàn chân duỗi thẳng, ngón chân khép lại. Chân nhấc cao khỏi mặt nước (nếu nước sâu thì nhấc khỏi mặt bùn) đưa là là trên mặt nước (bùn) về trước, bàn chân hơi nghiêng, mu bàn chân phía ngoài, từ từ cắm mũi chân xuống cho tới đất rắn mới đặt cả bàn chân xuống. Chân đứng vững mới xoay nhẹ gót chân sau và từ từ nhấc lên, cứ như vậy tiến chắc từng bước. Nếu qua nơi bùn thụt sâu thì chân nên bước trên lớp cỏ, rác dày trên mặt bùn. Không nên bước theo vết chân người đi trước. Nếu không có lớp cỏ rác dày thì có thể đeo trang bị sau lưng, dùng tư thế bò cao hoặc trườn nhích dần để tiến. Trường hợp nước sâu quá đầu, có thể gói trang bị thành phao để vượt qua.

LUYỆN TẬP

1. Nội dung

– Hành động của chiến sĩ vận động dưới hoả lực bắn thẳng; không quân, pháo binh, súng cối của địch.

– Hành động của chiến sĩ vận động bí mật đến gần địch trong một số địa hình.

2. Phương pháp

– Luyện tập cá nhân:

Từng học sinh tự nghiên cứu, thực hiện các động tác vận động.

– Luyện tập nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập, sửa tập theo các bước.

Bước 1. Tập chậm: Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ thực hiện các động tác vận động (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2. Tập tổng hợp: Luyện tập nhanh, sát thực tế hành động của chiến sĩ thực hiện các động tác vận động (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

VẬN DỤNG

Em hãy quan sát và thực hiện động tác vận động qua một số địa hình (trống trải hoặc nhiều cây cối rậm rạp,...) ở sân trường hoặc khu vực em sinh sống.

Bài

9 CHẠY VŨ TRANG

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được kĩ thuật mang, vác trang bị, kĩ thuật thở, vận động trong quá trình chạy vũ trang;
* Thực hiện được động tác chạy vũ trang và vận dụng được kĩ thuật chạy vũ trang trong thực hành kĩ, chiến thuật cá nhân và vận động trong chiến đấu.

MỞ ĐẦU

Em hãy quan sát hình 9.1 và cho biết: Chạy vũ trang có những điểm khác gì so với chạy thông thường?



a



b

Chạy vũ trang — Chạy việt dã

Hình 9.1

KHÁM PHÁ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẠY VŨ TRANG

1. Đặc điểm chạy vũ trang

– Chạy vũ trang là một môn vận động nặng, tiêu hao nhiều năng lượng, động tác chạy hơi gò bó vì mang vác vũ khí, trang bị.

– Chạy vũ trang có mang, vác vũ khí trang bị nên bước chạy ngắn hơn và tốc độ chạy chậm hơn so với chạy thông thường.

– Chạy vũ trang có thể được tiến hành trong những điều kiện và địa hình khác nhau như chạy trên đường bằng, lên dốc, xuống dốc; chạy trong rừng, trên đường mấp mô, lầy lội; có thể có những khúc cua theo nhiều hướng,...

2. Cách mang trang bị, vũ khí

a) Cách mang đeo trang bị

Trước khi chạy, phải chuẩn bị chu đáo: quần, áo, mũ, giày và những vật mang theo phải mang đeo gọn gàng, chắc chắn, không để va đập vào người và bị rơi trong khi chạy.

Chú ý: Khi buộc trang bị không nên thắt quá chặt làm máu khó lưu thông và hạn chế các cử động trong khi chạy.

b) Cách mang súng

Cách 1: Vác súng trên vai

Tay nắm lấy nòng súng (cách đầu ngắm 10 – 15 cm), đặt súng nằm trên vai (Hình 9.2).

Cách 2: Đeo súng (dưới nách)

Khoác dây súng lên vai, súng nằm cân bằng dưới nách (cao hơn xương hông), mũi súng hướng về phía trước. Tay ở phía vai đeo súng co lên, bàn tay nắm nòng súng để súng chắc chắn trong khi chạy (Hình 9.3).

Chú ý: Trong cả hai cách trên, khi muốn đổi vai cần quan sát xung quanh, đề phòng va súng vào đồng đội.



Hình 9.2. Động tác vác súng



Hình 9.3. Động tác đeo súng (dưới nách)

Tại sao khi chạy vũ trang, phải mang đeo trang bị gọn gàng, chắc chắn?

3. Kĩ thuật thở

Thở trong chạy vũ trang hết sức quan trọng, vì vậy, người chạy phải chủ động ngay từ đầu. Nếu thở nông và không đúng nhịp dẫn tới hiện tượng mệt mỏi, thành tích sẽ bị kém trong khi chạy.

Trong khi chạy, hít vào bằng mũi thật nhanh, mạnh và sâu; khi thở ra bằng miệng thì chậm và từ từ. Khi muốn tăng tốc độ, cần phải tăng nhịp thở và phối hợp tốt kĩ thuật hít vào, thở ra.

Nhịp thở tuỳ thuộc vào từng người tập và tốc độ chạy. Thường chạy kết hợp với thở sâu theo nhịp 2/2 hoặc 3/3 (hít vào 2 nhịp bằng mũi, thở ra 2 nhịp bằng miệng hoặc hít vào 3 nhịp bằng mũi, thở ra 3 nhịp bằng miệng).

Khi chạy vũ trang, người chạy thường gặp hiện tượng cực điểm, đó là biểu hiện tức thở, tay cứng đờ tưởng như không thể tiếp tục chạy. Khi gặp hiện tượng này, người chạy cần có nghị lực để vượt qua, có thể giảm tốc độ, đồng thời tích cực thở sâu, cảm giác dễ chịu sẽ trở lại.

II. KĨ THUẬT CHẠY VŨ TRANG

1. Các giai đoạn chạy vũ trang

a) Giai đoạn xuất phát

Khi có lệnh "Vào vị trí", người tập đến vạch xuất phát, chân thuận đứng sát vạch xuất phát, khớp gối hơi chùng, trọng lượng dồn đều vào hai chân, thân trên hơi ngả về trước, thở đều, tập trung nghe lệnh của giáo viên (Hình 9.4).

Khi có lệnh "Sẵn sàng", hai đầu gối chùng thấp hơn, trọng tâm thân người dồn vào chân trước, hai gót chân kiễng, mắt nhìn về phía trước (Hình 9.5).

Khi có lệnh "Chạy", kết hợp sức bật của hai chân và toàn thân, nhanh chóng rời khỏi vạch xuất phát (Hình 9.6).



Hình 9.4. Tư thế khi vào vị trí xuất phát



Hình 9.5. Tư thế khi có lệnh "Sẵn sàng"



Hình 9.6. Tư thế khi rời khỏi vạch xuất phát

Em hãy thực hiện kĩ thuật xuất phát theo hướng dẫn của giáo viên.

b) Giai đoạn chạy sau xuất phát

Những bước đầu tiên, thân người lao về trước với góc độ lớn (Hình 9.7a), sau đó giảm dần, đầu giữ thẳng, mắt nhìn về trước (Hình 9.7b) và chuyển sang chạy thoải mái ở giai đoạn chạy giữa quãng.





Hình 9.7. Tư thế ở những bước chạy đầu tiên

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

c) Giai đoạn chạy giữa quãng

Thực hiện chạy giữa quãng với độ dài và tần số bước chân tương đối đều. Khi đạp sau cần phối hợp hoạt động của các nhóm cơ đùi, cẳng chân, bàn chân để đảm bảo chân sau được duỗi thẳng hoàn toàn, đùi của chân lăng thoải mái đưa về trước và kết thúc cùng lúc đạp sau.

Kết thúc đạp sau, chân đạp duỗi thẳng hoàn toàn, đùi của chân đạp song song với cẳng chân lăng, đồng thời chân lăng bắt đầu hạ xuống, cẳng chân hơi đưa về trước và chạm đất bằng mũi bàn chân, động tác đánh tay nhịp nhàng với bước chân, góc độ khuỷu tay khoảng 90°, các ngón tay nắm hờ (Hình 9.8).



Hình 9.8. Kĩ thuật kết thúc đạp sau trong khi chạy

Thực hiện kĩ thuật chạy giữa quãng theo hướng dẫn của giáo viên.

d) Giai đoạn chạy về đích

Khi gần về đích, người tập phải phát huy hết tốc độ để chạm dây đích. Người tập đánh đích bằng ngực (Hình 9.9) hoặc bằng vai (Hình 9.10). Khi qua đích, không dừng lại đột ngột mà phải chạy chậm dần rồi đi bộ, thả lỏng cơ thể để cơ thể dần trở về trạng thái bình thường.



Hình 9.9. Kĩ thuật đánh đích bằng ngực



Hình 9.10. Kĩ thuật đánh đích bằng vai

Theo em, khi gần về đích, người chạy phải chú ý những điểm gì?

2. Vận dụng kĩ thuật chạy vũ trang ở một số địa hình

a) Chạy lên dốc

Khi cách dốc 10 – 15 m, người chạy tăng dần tốc độ để lấy đà, thân người ngả về trước, tuỳ theo độ dốc của đường chạy mà ngả thân người nhiều hay ít, tiếp đất

bằng nửa bàn chân trước, chạy bước ngắn, đầu gối nhấc cao hơn khi chạy ở địa hình bằng phẳng (Hình 9.11).



Hình 9.11. Kĩ thuật chạy lên dốc



Hình 9.12. Kĩ thuật chạy xuống dốc

b) Chạy xuống dốc

Người hơi ngả ra sau, tuỳ theo độ dốc của đường chạy mà ngả thân người nhiều hay ít, tiếp đất bằng cả bàn chân, đầu gối nhấc thấp hơn khi chạy ở địa hình bằng phẳng, chạy bước dài với tốc độ vừa phải để đảm bảo an toàn (Hình 9.12).

c) Chạy trong rừng hoặc qua bụi rậm

Người chạy luôn chú ý quan sát mặt đường, đề phòng hầm hố bị lá cây che phủ hoặc cành cây gãy đâm vào gây chấn thương. Khi chạy qua bụi cây rậm rạp, người hơi khom, tay đưa ra trước để gạt cành cây tránh va đập vào mặt (Hình 9.13).



Hình 9.13. Kĩ thuật chạy qua bụi rậm

d) Chạy qua các đoạn đường trơn, trên cát hoặc đất xốp

Chạy qua các đoạn đường trơn: Người chạy phải luôn quan sát mặt đường, giảm tốc độ, thực hiện chạy bước ngắn, tiếp đất bằng cả bàn chân và tay đánh rộng để giữ thăng bằng (Hình 9.14).



Hình 9.14. Kĩ thuật chạy qua các đoạn đường trơn



Hình 9.15. Kĩ thuật chạy trên cát

Chạy trên cát hoặc đất xốp: Người chạy thực hiện chạy bước ngắn, thân ngả về phía trước, tiếp đất bằng nửa bàn chân trước (Hình 9.15).

Em hãy thực hiện chạy vũ trang trên một số địa hình sau: lên dốc, xuống dốc; đoạn đường trơn, trên cát; qua bụi rậm theo hướng dẫn của giáo viên.

3. Xử lí một số tình huống trong khi chạy vũ trang

Tình huống	Dấu hiệu	Cách xử lí ban đầu
Ngất	Người chạy dừng lại đột ngột, ngã xuống đường chạy.	Đưa vào nơi thoáng mát, đồng thời nới lỏng quần áo để máu lưu thông. Kiểm tra nhịp thở, nếu nạn nhân ngừng thở, cần hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực trong khi chờ xe cấp cứu.
Sốc nhiệt	Sốc nhiệt là tình trạng tăng thân nhiệt nghiêm trọng (kèm theo rối loạn hoạt động của các cơ quan như thần kinh, tuần hoàn, hô hấp). Người chạy bị mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt, nhức đầu,...	– Đưa vào nơi thoáng mát, đồng thời nới lỏng quần áo để dễ thở. Sử dụng nước lạnh hoặc khăn ướt phủ lên toàn bộ cơ thể người bị sốc nhiệt. Có thể phun nước vào người, sử dụng quạt, dùng nước đá chườm lạnh. – Cho uống nước ngay nếu còn tỉnh. Đồng thời phải gọi ngay xe cấp cứu và chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
Chuột rút	Là những cơn đau, co thắt mạnh cơ bắp chân, cơ đùi,... vùng bị chuột rút không thể vận động được.	Nghỉ ngơi, cố gắng hít thở sâu và thả lỏng bắp thịt đang bị co rút. Dùng ngón tay cái ấn mạnh vào vùng cảm thấy đau nhất để giúp cơn đau dịu đi.
Căng cơ	Người chạy có thể thấy đau cơ ở một số nơi như phía sau cẳng chân, đùi,...	Nghỉ ngơi để chân được thư giãn, sau đó mới tiếp tục luyện tập.
Bong gân	Người chạy bị đau nhức ở cổ chân, mắt cá chân bị bầm tím, sưng tấy, khó di chuyển.	Nghỉ ngơi, dùng băng thun băng ép phần khớp bị chấn thương để cố định khớp, giảm đau và giảm sưng, sau đó chườm lạnh bằng đá hoặc nước mát làm dịu cơn đau.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

III. ĐIỀU KIỆN, QUY TẮC, CÁCH TÍNH THÀNH TÍCH VÀ XỬ LÍ VI PHẠM

1. Điều kiện chạy vũ trang

Tổ chức chạy vũ trang cho học sinh khi đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

– Đường chạy: Tuỳ theo điều kiện thực tế khu vực học tập có thể chạy trên đường nhựa, đường bê tông hoặc đường đất,...

– Cự li chạy: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Thời tiết thuận lợi (bảo đảm an toàn cho học sinh).

– Học sinh tham gia chạy phải có đủ điều kiện về sức khoẻ.

– Có bộ phận y tế trường học sẵn sàng xử lí các tình huống khi học sinh tập chạy.

2. Quy tắc chạy vũ trang

Người chạy thực hiện đúng các quy tắc sau: Khi chuẩn bị chạy không được chạm vạch xuất phát; Không xuất phát trước khi có hiệu lệnh; Khi chạy không được gây trở ngại cho người khác, không chèn ép, cản trở người chạy sau; Không được dìu, đỡ hoặc mang vác hộ vũ khí, trang bị của người khác trong khi chạy; Về đích phải dùng ngực hoặc vai để đánh đích.

3. Cách tính thành tích và xử lí các vi phạm quy tắc

– Cách tính thành tích: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Xử lí các vi phạm quy tắc:

+ Người chạy bị xoá thành tích nếu vi phạm các lỗi sau: Chạm chân vào vạch xuất phát khi vào vị trí, khi chuẩn bị chạy; xuất phát trước hiệu lệnh; có người mang, cầm hộ vũ khí, trang bị hoặc dìu đỡ trước khi về đích; chen lấn thô bạo, cố tình cản trở, làm ảnh hưởng đến thành tích của người khác trong quá trình chạy; chạy không hết cự li quy định; về đích thiếu súng.

+ Người chạy bị cộng thời gian vào thành tích nếu vi phạm các lỗi sau: Chạy sai đường; rơi trang bị trong khi chạy; về đích thiếu trang bị quy định; đánh đích không đúng quy tắc.

LUYỆN TẬP

Luyện tập chạy vũ trang.

– Luyện tập cá nhân: Từng học sinh tự nghiên cứu cách mang đeo trang bị, kĩ thuật xuất phát, kĩ thuật chạy sau xuất phát, kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.

– Luyện tập theo đội hình lớp:

+ *Bước 1.* Tập phân đoạn: Kĩ thuật xuất phát, kĩ thuật chạy sau xuất phát, kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích (cự li 60 – 80 m). Từng tổ vào thực hiện 1 – 2 lần.

+ *Bước 2.* Tập tổng hợp: Tập toàn bài: Sau khi thực hiện tốt các kĩ thuật đơn lẻ, chuyển sang tập liên kết toàn bài, thứ tự từ liên kết chậm đến liên hoàn toàn bộ kĩ thuật với tốc độ cao nhất (mỗi đợt tập 15 – 20 học sinh).

VẬN DỤNG

1. Em và các bạn hãy đăng kí tham gia các giải chạy do địa phương, nhà trường tổ chức.
2. Khi đang chơi thể thao, nếu gặp tình huống bị căng cơ, chuột rút thì em sẽ làm gì?

Bảng giải thích một số thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang*
Binh chủng	Một bộ phận của quân chủng, có chức năng trực tiếp chiến đấu hoặc bảo đảm chiến đấu.	13
Cấp tỉnh	Đơn vị hành chính trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	13
Cấp xã	Đơn vị hành chính trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm xã, phường, đặc khu.	13
Đội quân tóc dài	Gồm phụ nữ ở mọi lứa tuổi, tiến hành đấu tranh trực diện bằng lí lẽ và tình cảm để ngăn chặn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn khủng bố, càn quét, bình định; thực hiện công tác địch vận làm tan rã hàng ngũ địch.	43
Lục quân	Lực lượng hoạt động chủ yếu trên mặt đất; gồm các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, các quân đoàn, các binh chủng (Đặc công, Pháo binh – Tên lửa, Tăng thiết giáp, Công binh, Thông tin liên lạc, Hoá học).	14
Quân khu	Tổ chức quân sự theo một vùng lãnh thổ (thường gồm một số tỉnh, thành phố giáp ranh, có liên quan với nhau về quân sự) trực thuộc Bộ Quốc phòng.	13
Sư đoàn	Là đơn vị thuộc quân đoàn, quân khu, quân chủng, bộ đội chuyên môn hoặc được tổ chức độc lập. Thường gồm 3 – 4 trung đoàn (lữ đoàn) và một số đơn vị trực thuộc.	13
Thuỷ thủ kíp tàu ngầm	Người chiến sĩ làm việc trên tàu ngầm.	25
Trung đoàn	Thường gồm 3 tiểu đoàn và một số đại đội trực thuộc, nằm trong biên chế sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) hoặc được tổ chức độc lập trong quân đoàn, quân khu, quân chủng, binh chủng, bộ đội chuyên môn,...	13
Trường Văn hoá (T11)	Trường Trung học phổ thông thuộc Bộ Công an.	28
Vũ trang	Trang bị vũ khí để chiến đấu.	7

* Trang sách có thuật ngữ xuất hiện lần đầu.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM VĨNH THÔNG – LÊ THUỲ TRANG
Biên tập tái bản: LÊ THUỲ TRANG
Biên tập mĩ thuật: BÙI QUANG TUẤN
Thiết kế sách: BÙI THỊ VÂN TRANG
Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN
Minh hoạ: PHÙNG DUY TÙNG
Sửa bản in: LÊ THUỲ TRANG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 12

Mã số: G3HHZP002a26
In .....bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26.5cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/263-09/GD
Số QĐXB: /QĐ – GD – HN ngày ..... tháng ..... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 20....
Mã số ISBN: 978-604-0-39371-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN: 978-604-0-39371-5

Giá: 11.000 đ